

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Hoài Hương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH THANH SANG VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Hoài Hương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG – 2015

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thanh Sang Việt Nam
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thanh Sang Việt Nam
- **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH Thanh Sang Việt Nam trong 3 năm gần đây.
 - Số liệu về thực trạng kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thanh Sang Việt Nam
 - **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:** Công ty TNHH Thanh Sang Việt Nam

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Trần Thị Thanh Thảo**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình phát triển kinh tế dù ở bất kỳ quốc gia nào, doanh nghiệp cũng đóng góp một phần không nhỏ vào các công trình phúc lợi xã hội và góp phần giải quyết việc làm. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển, đạt được lợi nhuận kỳ vọng là điều không dễ dàng. Vậy nên một công cụ không thể thiếu trong các doanh nghiệp nó quyết định sự phát triển mạnh mẽ đó là công tác hạch toán kế toán.

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kế toán tài chính không những có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát hoạt động kinh tế mà còn vô cùng quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp, nó phát huy tác dụng như một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế như hiện nay. Trong đó việc hạch toán nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng. Bởi lẽ nguyên vật liệu không chỉ là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất mà nó còn là yếu tố có thể kiểm soát, làm chủ được bằng việc tổ chức kế toán sử dụng vật liệu một cách khoa học, hợp lý, tối thiểu những lãng phí không cần thiết. Điều này có ý nghĩa hết sức thiết thực trong công tác quản lý và kiểm soát tài sản của công ty.

Để việc hạch toán vật liệu được thực hiện hiệu quả thì nhiệm vụ đặt vào vai của kế toán vật liệu. Kế toán vật liệu cần phải ghi chép đầy đủ, tính toán, phản ánh trung thực, chính xác, hợp lý, kịp thời về số lượng, chất lượng, giá thành thực tế của từng loại vật liệu nhập, xuất, tồn kho, phân bổ chính xác giá trị vật liệu vào đối tượng sử dụng. Thông qua việc ghi chép để kiểm tra tình hình thu mua, dự trữ, tiêu hao vật liệu để qua đó phát hiện, xử lý kịp thời các vật liệu thừa, ứ đọng, kém phẩm chất.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp em quyết định chọn “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam” làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp của em.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 Chương:

- Chương I: Lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp sản xuất

- Chương II: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam

- Chương III: Hoàn thiện công tác kế toán tại công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam

Trong thời gian thực hiện luận án, mặc dù em đã nỗ lực hết sức trong việc trình bày nhưng vì khả năng thực tế của em còn có hạn nên trong bản luận văn này không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để bản luận văn của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn nhà trường và cô giáo – thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo đã tận tình hướng dẫn giúp đỡ em hoàn thành bản luận văn này.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2014

Người thực hiện

Lê Thị Hoài Hương

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Khái quát chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hóa như: sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo; sợi trong doanh nghiệp dệt; da trong doanh nghiệp đóng giày; vải trong doanh nghiệp may mặc.

.....

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để chế tạo nên sản phẩm, là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, là cơ sở vật chất để cấu tạo nên thực thể của sản phẩm làm ra. Đối tượng mua ngoài ở đây được hiểu là những vật mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp nhu cầu của mình.

Ví dụ: Lốp xe được chế biến từ mủ cao su, mủ cao su (dạng chất lỏng) qua quá trình chế biến nhờ lao động của con người tác động vào tạo ra sản phẩm.

1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu

- Bị hao mòn trong quá trình sản xuất và cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

- Giá trị vật liệu được chuyển dịch toàn bộ và chuyển dịch một lần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra.

- Nguyên vật liệu thường chiếm tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và giá thành.

- Vật liệu có nhiều loại, nhiều thứ khác nhau.

Ví dụ: Xăng, dầu, nhớt.....bị tiêu hao toàn bộ. Về mặt giá trị: khi tham gia vào quá trình sản xuất thì giá trị của vật liệu sẽ được chuyển toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là một yếu tố không thể thiếu được của quá trình sản xuất – kinh doanh ở các doanh nghiệp. Giá trị nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất – kinh doanh. Vì vậy quản lý tốt khâu thu

mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để tránh nhầm lẫn trong công tác quản lý và hoạch toán nguyên vật liệu trước hết các doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống danh điểm và đánh số danh điểm cho nguyên vật liệu. Hệ thống danh điểm và số danh điểm của nguyên vật liệu phải rõ ràng, chính xác tương đương với quy cách chủng loại của nguyên vật liệu.

Để quá trình sản xuất kinh doanh liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì doanh nghiệp phải xây dựng mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng danh điểm nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó. Định mức tồn kho của nguyên vật liệu còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua nguyên vật liệu và kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

Để bảo quản tốt nguyên vật liệu dự trữ, giảm thiểu hư hao, mất mát, các doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống kho hàng, bến bãi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý nguyên vật liệu tồn kho và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất kho, tránh việc bố trí kiêm nhiệm chức năng thủ kho với tiếp liệu và kế toán vật tư.

1.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Có rất nhiều tiêu thức phân loại NLVL nhưng thông thường kế toán sử dụng một số các tiêu thức sau để phân loại nguyên, vật liệu phục vụ cho quá trình theo dõi và phản ánh trên các sổ kế toán khác nhau.

- Nếu căn cứ vào tính năng sử dụng, có thể chia NLVL ra thành các nhóm sau:

+ Nguyên liệu vật liệu chính: Là những nguyên liệu vật liệu cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm. "Nguyên liệu" là những thuật ngữ để chỉ đối tượng lao động chưa qua chế biến công nghiệp, "Vật liệu" dùng để chỉ những nguyên liệu đã qua sơ chế.

Ví dụ: Đối với các doanh nghiệp dệt thì nguyên, vật liệu chính là các loại sợi khác nhau - sản phẩm của các doanh nghiệp chế biến bông; đối với các doanh nghiệp may thì nguyên, vật liệu chính là các loại vải khác nhau - sản phẩm của các doanh nghiệp dệt; đối với các doanh nghiệp sản xuất gói thì nguyên, vật liệu chính lại có thể là các loại vải vụn - phế liệu của các doanh

nghiệp may... Vì vậy khái niệm nguyên, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ không đặt ra khái niệm nguyên, vật liệu chính, phụ. Nguyên, vật liệu chính cũng bao gồm cả bán thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất chế tạo ra sản phẩm, hàng hoá.

Ví dụ: Các doanh nghiệp có thể mua các loại vải thô khác nhau về đề nhuộm, in... nhằm cho ra đời các loại vải khác nhau, đáp ứng cho nhu cầu sử dụng.

+ Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm mà có thể kết hợp với nguyên, vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, làm tăng thêm chất lượng hoặc giá trị sử dụng của sản phẩm. Vật liệu phụ cũng có thể được sử dụng để tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, phục vụ cho quá trình lao động.

+ Nhiên liệu: Là một loại vật liệu phụ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng như: xăng, dầu; ở thể rắn như: các loại than đá, than bùn; và ở thể khí như: gas...

+ Phụ tùng thay thế: Là những vật tư, sản phẩm dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị, tài sản cố định, phương tiện vận tải... ví dụ như các loại ốc, đinh vít, buloong để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, các loại vỏ, ruột xe khác nhau, để thay thế trong các phương tiện vận tải.

+ Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu, thiết bị dùng trong xây dựng cơ bản như: gạch, cát, đá, xi măng, sắt, thép, bột trét tường, sơn. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản như các loại thiết bị điện...

+ Phế liệu: Là những phần vật chất mà doanh nghiệp có thể thu hồi được trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ví dụ: Khi ta đưa vật liệu chính là vải vào để cắt, may thành các loại quần áo khác nhau thì doanh nghiệp có thể thu được phế liệu là các loại vải vụn.

Phế liệu thu được cũng có thể là bản thân vật liệu chính đưa vào là vải nhưng do không đạt yêu cầu về chất lượng nên bị loại ra khỏi quá trình sản xuất.

Cách phân loại này cũng chỉ mang tính chất tương đối, gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Có một số loại vật liệu phụ có khi là phế liệu của doanh nghiệp này nhưng lại là vật liệu chính hoặc thành phẩm của một quá trình sản xuất kinh doanh khác.

- Trường hợp căn cứ vào nguồn cung cấp kế toán có thể phân loại nguyên vật thành các nhóm khác nhau như:

+ Nguyên vật liệu vật liệu mua ngoài là nguyên vật liệu do doanh nghiệp mua ngoài mà có, thông thường mua của các nhà cung cấp.

+ Vật liệu tự chế biến là loại vật liệu do doanh nghiệp sản xuất ra và sử dụng như là nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm.

+ Vật liệu thuê ngoài gia công là vật liệu mà doanh nghiệp không tự sản xuất ra, cũng không phải mua ngoài mà thuê các sở gia công.

+ Nguyên, vật liệu nhận góp vốn liên doanh là nguyên vật liệu do các bên liên doanh góp vốn theo thoả thuận trên hợp đồng liên doanh.

+ Nguyên vật liệu được cấp là nguyên vật liệu do đơn vị cấp trên cấp theo qui định...

+ Trường hợp căn cứ theo tính năng hoạt động, kế toán có thể phân loại chi tiết hơn nữa nguyên vật liệu thành các loại khác nhau: mỗi loại nguyên vật liệu có thể nhận biết bởi một ký hiệu khác nhau.

1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh. Tính giá nguyên vật liệu là phương pháp kế toán dùng thước đo tiền tệ để thể hiện giá trị của nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn kho trong kỳ. Vật liệu trong doanh nghiệp có thể được định giá theo hai cách sau:

Giá thực tế: là giá được xác định trên cơ sở các chứng từ hợp lệ chứng minh cho các khoản chi hợp lệ của doanh nghiệp trong quá trình mua vật liệu.

Giá hạch toán: trong doanh nghiệp vật liệu có nhiều loại, nhiều thứ khác nhau và hoạt động thường xuyên. Do vậy việc sử dụng giá thực tế để ghi chép hàng ngày kịp thời theo sự biến động đó là một công việc tốn nhiều lao động, nếu không sử dụng máy vi tính. Vì vậy doanh nghiệp có thể sử dụng một loại giá ổn định gọi là giá hạch toán để ghi chép, giá hạch toán là giá quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng ổn định trong 1 thời gian dài. Giá hạch toán của vật liệu có thể là giá mua thực tế ở một thời điểm nào đó hoặc

giá kế hoạch do doanh nghiệp xây dựng trên cơ sở kinh nghiệm hoặc dựa vào giá trị trường..

1.2.2.1. Tính giá nguyên liệu vật liệu nhập kho

- Nguyên liệu vật liệu là một trong những yếu tố cấu thành nên hàng tồn kho, do đó kế toán nguyên liệu vật liệu phải tuân thủ theo chuẩn mực kế toán hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc trị giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Để có thể theo dõi sự biến động của nguyên, vật liệu trên các loại sổ kế toán khác nhau (cả sổ chi tiết và sổ tổng hợp). và tổng các chỉ tiêu kinh tế có liên quan tới nguyên, vật liệu doanh nghiệp, cần phải thực hiện việc tính giá nguyên, vật liệu. Tính giá nguyên, vật liệu là phương pháp kế toán dùng thước đo tiền tệ để thể hiện trị giá của nguyên, vật liệu nhập-xuất và tồn kho trong kỳ. Nguyên, vật liệu của doanh nghiệp có thể được tính giá thực tế hoặc giá hạch toán.

- Giá thực tế của nguyên liệu vật liệu nhập kho được xác định tùy theo từng nguồn nhập, từng lần nhập, cụ thể như sau:

+ Nguyên liệu vật liệu mua ngoài:

Trị giá thực tế NLVL mua ngoài nhập kho	=	Giá mua ghi trên hoá đơn (cả thuế nhập khẩu (nếu có)	+	Chi phí thu mua (kể cả hao hụt trong định mức)	-	Cáckhoản giảm trừ phát sinh khi mua NVL
--	---	---	---	---	---	---

* Trường hợp doanh nghiệp mua NLVL dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng(GTGT) theo phương pháp khấu trừ

thuế, giá trị nguyên liệu vật liệu mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT, thuế GTGT đầu vào khi mua nguyên liệu vật liệu và thuế GTGT đầu vào của dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, chi phí gia công...được khấu trừ và hạch toán vào tài khoản “133” thuế GTGT được khấu trừ (3331).

* Trường hợp doanh nghiệp mua NLVL dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc dùng cho hoạt động sự nghiệp, phúc lợi, dự án thì giá trị của nguyên, vật liệu mua vào được phản ánh theo tổng trị giá thanh toán bao gồm cả thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ (nếu có).

* Đối với NLVL mua bằng ngoại tệ phần giá mua phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh để ghi giá trị nguyên vật liệu nhập kho (trừ trường hợp có ứng trước tiền cho người bán thì giá trị nguyên vật liệu tương ứng với số tiền ứng trước được ghi nhận theo tỷ giá tại thời điểm ứng trước). Phần thuế nhập khẩu phải nộp được xác định theo tỷ giá tính thuế nhập khẩu của cơ quan Hải quan.

Trị giá thực tế	=	Giá mua	+	Thuế không hoàn lại (nếu có)	+	Chi phí mua hàng (nếu có)	-	Các khoản giảm trừ (nếu có)
-----------------	---	---------	---	------------------------------	---	---------------------------	---	-----------------------------

+ NLVL tự chế tạo

Giá thực tế của NLVL chế tạo	=	Giá thực tế NIVL xuất đi chế tạo	+	Các chi phí chế biến phát sinh
------------------------------	---	----------------------------------	---	--------------------------------

+ NLVL thuê ngoài, gia công chế tạo

Giá thực tế của NLVL thuê ngoài gia công chế tạo	=	Giá thực tế NIVL xuất thuê ngoài gia công chế tạo	+	Chi phí vận chuyển NLVL đến nơi chế tạo (chở về)	+	Tiền thuê ngoài gia công chế tạo
--	---	---	---	--	---	----------------------------------

+ Nguyên, vật liệu nhận góp vốn liên doanh, góp cổ phần:

Giá thực tế của NLVL nhận góp vốn liên doanh, góp cổ phần	=	Giá thoả thuận các bên tham gia góp vốn	+	Chi phí liên quan (nếu có)
---	---	---	---	----------------------------

Giá trị phế liệu nhập kho = Giá tạm tính trên thị trường (hoặc Giá ước tính của DN)

1.2.2.2. Tính giá nguyên liệu vật liệu xuất kho

Khi xuất kho NLVL cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán có nhiệm vụ xác định trị giá thực tế của NLVL. Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế NLVL xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất nguyên vật liệu, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Điều 13 chuẩn mực số 02 nêu ra 4 phương pháp tính giá xuất nguyên vật liệu:

- Phương pháp tính giá thực tế đích danh
- Phương pháp nhập trước - xuất trước
- Phương pháp nhập sau – xuất trước
- Phương pháp bình quân gia quyền

Ngoài ra trên thực tế còn có phương pháp giá hạch toán, phương pháp xác định giá trị tồn cuối kỳ theo giá mua lần cuối. Tuy nhiên khi xuất kho kế toán tính toán, xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

Công thức chung:

Giá thực tế của NLVL xuất dùng trong kỳ	=	Số lượng NLVL xuất kho	X	Đơn giá xuất kho
---	---	---------------------------	---	------------------

*** Phương pháp tính giá thực tế đích danh:**

- Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh là xác định giá xuất kho từng loại NLVL theo giá thực tế của từng lần nhập, từng nguồn nhập cụ thể. Phương pháp này thường được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, các mặt hàng có giá trị lớn hơn hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Ưu điểm: Tính giá NLVL kịp thời, theo dõi được thời gian bảo quản của NLVL

Nhược điểm: Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải có điều kiện bảo quản từng lô NLVL tồn kho, có ít chủng loại vật tư hoặc chủng loại vật tư ổn định, có tính tách biệt, giá trị đơn vị lớn và dễ dàng nhận diện.

*** Phương pháp nhập trước-xuất trước (FIFO):**

- Theo phương pháp này NLVL được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập trước thì được xuất dùng trước và tính theo đơn giá của những lần nhập trước.

- Như vậy, nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cao và giá trị vật liệu xuất dùng nhỏ nên giá thành sản phẩm giảm, lợi nhuận tăng. Ngược lại giá cả có xu hướng giảm thì chi phí vật liệu trong kỳ sẽ lớn sẽ dẫn đến trong kỳ giảm.

- Phương pháp này thích hợp trong kỳ lạm phát và áp dụng đối với những doanh nghiệp ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

Ưu điểm: Cho phép kế toán có thể tính giá NLVL xuất kho kịp thời, phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ. Trong thời kỳ lạm phát phương pháp này sẽ có lợi nhuận cao do đó có lợi cho các công ty cổ phần khi báo cáo kết quả hoạt động trước các cổ đông làm cho giá cổ phiếu của công ty tăng lên.

Nhược điểm: Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do các chi phí NLVL nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NLVL

*** Phương pháp nhập sau-xuất trước (LIFO):**

- Phương pháp nhập sau-xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá thực tế của lần nhập sau, sau đó mới tính thêm vào giá nhập của lần nhập trước.

- Phương pháp này cũng được áp dụng với các doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong kỳ giảm phát.

Ưu điểm: Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NLVL. Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp trở nên chính xác hơn. Tính theo phương pháp này doanh nghiệp thường có lợi về thuế

nếu giá cả vật tư có xu hướng tăng khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong thời kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá thực của nó.

*** Phương pháp bình quân gia quyền (liên hoàn, cuối kỳ).**

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại NLVL được tính theo giá trị trung bình của từng loại NLVL đầu kỳ và giá trị từng loại NLVL được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

a) Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ (tháng):

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của NLVL xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán NLVL tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng NLVL tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của một loại NLVL	Trị giá thực tế NLVL tồn đầu kỳ Số lượng NLVL tồn đầu kỳ	+	Tổng giá trị NLVL nhập kho trong kỳ Số lượng NLVL nhập kho trong kỳ
--	---	---	--

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

b) Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn):

Sau mỗi lần nhập NLVL kế toán phải xác định lại giá trị thực của NLVL và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

Đơn giá xuất kho lần thứ i	Trị giá thực tế NLVL tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế NLVL nhập trước lần xuất thứ i
	Số lượng NLVL tồn đầu kỳ	+	Số lượng NLVL nhập trước lần xuất thứ i

Ưu điểm: Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên, xác định giá vốn thực tế của NLVL nhập kho hàng ngày nên có thể cung cấp thông tin một cách kịp thời.

Nhược điểm: Việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

1.3. TÀI KHOẢN SỬ DỤNG VÀ KẾT CẤU CỦA CÁC TÀI KHOẢN

- Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”

Tài khoản này phản ánh giá trị thực tế của các loại hàng hoá, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho.

Nợ	TK 151	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị vật tư hàng hoá đang đi đường. - Kết chuyển giá trị hàng tồn kho cuối kỳ. - SĐCK: Giá trị vật tư hàng hoá doanh nghiệp đã mua nhưng chưa về nhập kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị vật tư hàng hoá đã về nhập kho hoặc giao thẳng cho khách hàng. - Kết chuyển giá thực tế của hàng hoá vật tư đang đi đường đầu kỳ.

- Tài khoản 152 “Nguyên liệu vật liệu”

Tài khoản này phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm NLVL theo giá thực tế của doanh nghiệp.

Nợ	TK152	Có
<ul style="list-style-type: none"> - SĐCK: Giá thực tế NVL tồn kho đầu kỳ. - Giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài, tự chế, gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh... - Giá trị thực tế của NVL phát hiện 		<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị thực tế của NVL xuất kho để sản xuất, bán, thuê gia công góp liên doanh... - Giá trị thực tế NVL phát hiện thiếu khi kiểm kê. - Giá trị thực tế của NVL giảm do đánh

thừa khi kiểm kê. - Giá trị thực tế của NVL tăng do đánh giá lại. Giá trị phế liệu thu hồi. -SDCK: Giá trị thực tế của NVL tồn kho cuối kỳ.	giá lại. - Chiết khấu, giảm giá được hưởng.
--	--

- Tài khoản 331 “Phải trả người bán”

Tài khoản này phản ánh các khoản nợ phải trả cho người bán người nhận thầu về cung cấp NLVL, CCDC, hàng hoá, dịch vụ người nhận thầu về XD CB, sửa chữa lớn TSCĐ ...

Nợ	TK 331	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền đã trả cho người bán NLVL - Số tiền ứng trước cho người bán NLVL nhưng chưa nhận được NLVL - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán; - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam). 		<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán NLVL - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số NLVL đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức; - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). - SDCK: Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.

- Tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ”

Tài khoản này phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ, còn được khấu trừ.

Nợ	TK 133	Có
-Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. -SDCK: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng NSNN chưa hoàn trả.	- Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ. - Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ. - Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại, được giảm giá. - Số thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại.	

1.4. YÊU CẦU QUẢN LÝ

- Tập trung quản lý chặt chẽ, có hiệu quả nguyên liệu vật liệu trong quá trình thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng.

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tổ chức hạch toán nguyên liệu vật liệu chặt chẽ và khoa học, là công cụ quan trọng để quản lý tình hình thu mua, nhập xuất, bảo quản, sử dụng nguyên liệu vật liệu.

1.5. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.5.1. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời số lượng, chất lượng và giá trị thực tế của từng loại, từng thứ NLVL nhập-xuất-tồn kho, sử dụng tiêu hao cho sản xuất.

- Vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán vật liệu. Hướng dẫn, kiểm tra các bộ phận, đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về NLVL.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thu mua, tình hình dự trữ và tiêu hao vật liệu. Phát hiện và xử lý kịp thời NLVL thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất, ngăn ngừa việc sử dụng NLVL lãng phí, phi pháp.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá lại vật liệu theo chế độ qui định của Nhà Nước, lập báo cáo kế toán về NLVL phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý, điều hành, phân tích kinh tế.

1.5.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.5.2.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

+ Chứng từ kế toán:

Mọi hoạt động kinh tế xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến việc nhập, xuất nguyên liệu vật liệu đều phải lập chứng từ một cách kịp thời đầy đủ, chính xác theo chế độ quy định ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu đã đợc nhà nước ban hành.

- Mẫu 01 – VT: Phiếu xuất kho
- Mẫu 02 – VT: Phiếu nhập kho
- Mẫu 03 – VT: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho
- Hoá đơn kiêm vận chuyển

Ngoài các chứng từ mang tính chất bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước, trong các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn như: (Mẫu 04 – VT) phiếu xuất vật tư kiêm hạn mức, (Mẫu 05- VT) biên bản kiểm nghiệm vật tư, (Mẫu 07 – VT) phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ và các chứng từ khác tùy thuộc đặc điểm tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế khác nhau.

Người lập chứng từ phải kịp thời đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập và chịu trách nhiệm về việc ghi chép chính xác về số liệu của các nghiệp vụ kinh tế.

Mọi chứng từ kế toán về nguyên vật liệu phải đợc tổ chức luân chuyển theo trình tự và thời gian do kế toán trưởng quy định, phục vụ cho việc phản ánh, ghi chép, tổng hợp kịp thời của các bộ phận cá nhân có liên quan.

+ Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá.
- Bảng kê nhập – xuất – tồn nguyên liệu, vật liệu.
- Bảng tổng hợp chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá.
- Thẻ kho.
- Sổ đối chiếu luân chuyển, sổ số dư, sổ cái tài khoản 151, 152.
- Bảng kê nhập, xuất (nếu có).

1.5.2.2. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên, vật liệu.

* Phương pháp thẻ song song:

- Sử dụng các sổ chi tiết để theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động của từng mặt hàng tồn kho cả về số lượng và trị giá.

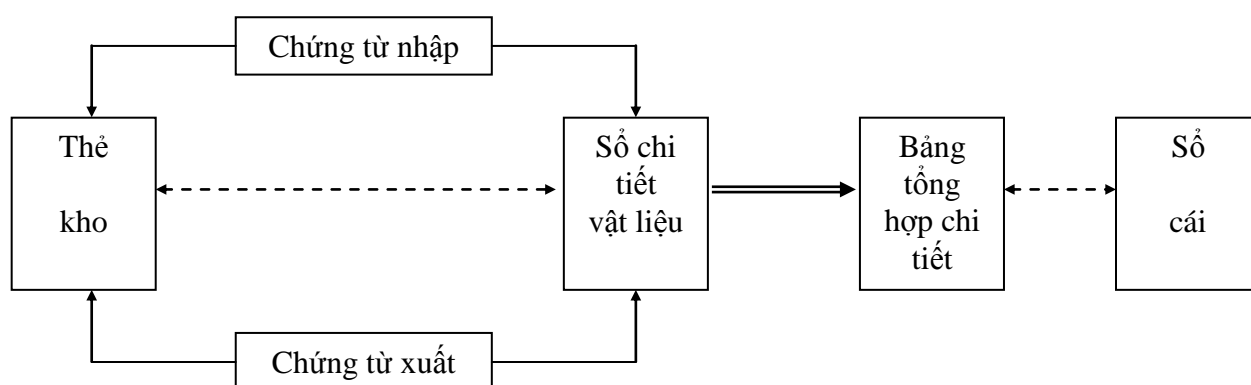
- Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi nhận chứng từ tại kho, kế toán tiến hành việc kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào các sổ chi tiết cả về số lượng và giá trị.

- Cuối tháng, kế toán đối chiếu số liệu tồn kho theo chi tiết từng loại trên sổ chi tiết với số liệu tồn kho trên thẻ kho và số liệu kiểm kê thực tế, nếu có chênh lệch phải được xử lý kịp thời. Sau khi đã đối chiếu và đảm bảo số liệu đã khớp đúng, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chi tiết nhập-xuất tồn kho nguyên, vật liệu.

- Số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết nhập-xuất tồn kho nguyên, vật liệu được dùng để đối chiếu với số liệu trên tài khoản 152 “nguyên, vật liệu” trong sổ cái.

- Phương pháp này đơn giản, dễ dàng ghi chép và đối chiếu, song cũng tồn tại nhược điểm là sự trùng lặp trong công việc. Tuy nhiên, phương pháp này rất tiện lợi khi doanh nghiệp xử lý công việc bằng máy tính.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song:



Trong đó:

→ : Ghi hàng ngày hoặc định kỳ.

← - - → : Đối chiếu, kiểm tra.

⇒ : Ghi cuối kỳ.

* Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- Sử dụng để theo dõi sự biến động của từng mặt hàng tồn kho cả về số lượng và trị giá. Việc ghi sổ chỉ thực hiện một lần vào cuối tháng và mỗi danh điểm vật tư chỉ được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi nhận chứng từ tại kho, kế toán cần kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào các bảng kê nhập xuất cả về mặt số lượng và giá trị theo từng loại vật liệu.

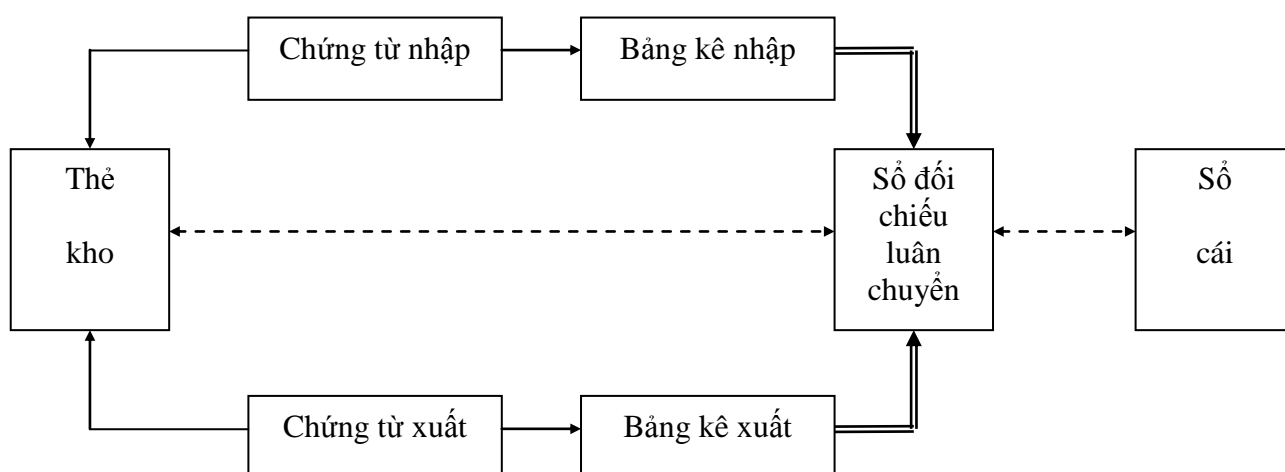
- Cuối tháng, kế toán cần tổng hợp số lượng và giá trị từng loại nguyên vật liệu đã nhập-xuất trong tháng và tiến hành vào sổ đối chiếu luân chuyển.

- Kế toán cần đối chiếu số liệu tồn kho theo chi tiết từng loại nguyên liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với số liệu trên thẻ kho và số liệu kiểm kê thực tế, nếu chênh lệch phải được xử lý kịp thời.

- Sau khi đã đối chiếu và đảm bảo số liệu đã khớp đúng, kế toán tiến hành tính tổng trị giá nguyên, vật liệu nhập-xuất trong kỳ và tồn kho cuối kỳ. Số liệu này dùng để đối chiếu với số liệu trên tài khoản 152 “nguyên, vật liệu” trong sổ cái.

- Phương pháp này đơn giản, dễ dàng nhưng còn có nhược điểm là tập trung công việc vào cuối tháng nhiều, ảnh hưởng đến tính kịp thời và đầy đủ của việc cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu dùng khác nhau.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Trong đó:

→ : Ghi hàng ngày hoặc định kỳ.

← - - → : Đối chiếu, kiểm tra.

⇒ : Ghi cuối kỳ.

***Phương pháp sổ số dư.**

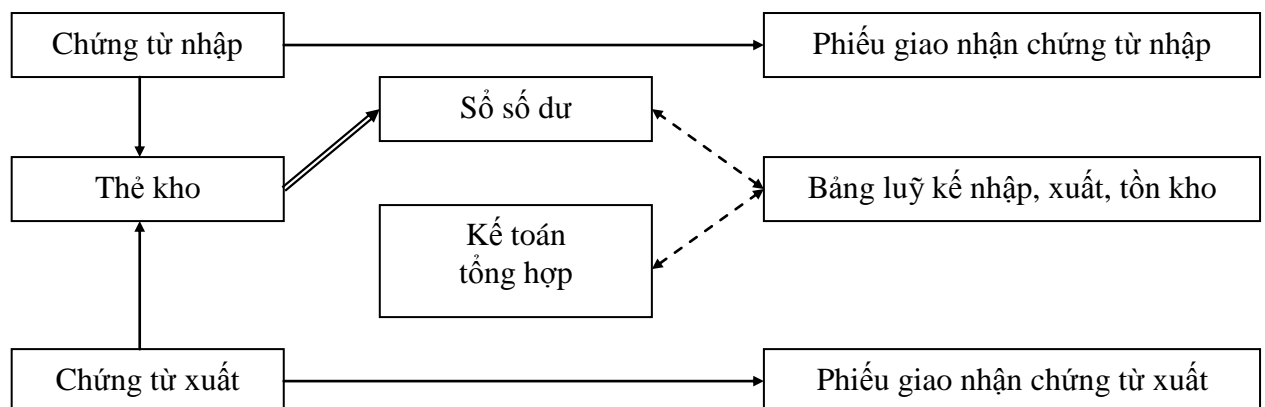
- Sử dụng để theo dõi sự biến động của từng mặt hàng tồn kho chỉ về mặt giá trị theo giá hạch toán mà theo đó phương pháp này thường được dùng cho các doanh nghiệp sử dụng giá hạch vật liệu để ghi sổ kế toán trong kỳ.

- Định kỳ sau khi nhận chứng từ tại kho, kế toán cần kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ nhập xuất, thu nhận phiếu này cùng chứng từ có liên quan về phòng kế toán, sau đó căn cứ vào giá hạch toán được đánh giá vào chứng từ và cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ.

- Căn cứ vào phiếu giao nhận chứng từ, kế toán phản ánh số liệu, vào bảng luỹ kế nhập-xuất và tồn kho cho từng loại vật liệu. Bảng luỹ kế nhập-xuất-tồn được mở riêng cho từng kho và mỗi danh điểm vật liệu chỉ được ghi trên một dòng.

- Cuối tháng, kế toán cần tổng hợp số liệu nhập-xuất trong tháng và xác định số dư cuối tháng của từng loại vật liệu trên bảng luỹ kế, số lượng từng loại vật liệu tồn kho trên sổ số dư do thủ kho chuyển về phải khớp với số lượng tồn kho ở thẻ kho và số lượng tồn kho thực tế, trị giá từng loại vật liệu tồn kho trên sổ cái phải khớp với trị giá tồn kho trên bảng luỹ kế, số liệu tổng cộng trên bảng luỹ kế dùng để đối chiếu với số liệu trên tài khoản 152 “nguyên, vật liệu” trong sổ cái.

- Phương pháp này thực hiện công việc kế toán thủ công, hạn chế sự trùng lặp trong công việc giữa thủ kho và nhân viên kế toán.

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp sổ số dư

Trong đó:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←- - - -> : Quan hệ đối chiếu

1.5.3. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất**1.5.3.1. Phương pháp kế toán nhập kho nguyên vật liệu**

- Mua NVL nhập kho (có hoá đơn cùng về):

+ Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ :

Nợ TK 152 : Giá mua chưa có thuế GTGT

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 111, 112, 141, 311... : Đã thanh toán tiền.

Có TK 331 : Chưa thanh toán tiền.

Có TK 333 : Nếu có thuế nhập khẩu.

+ Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT :

Nợ TK 152 : Tổng tiền thanh toán.

Có TK 111, 112, 141, 311, 331.. : Tổng tiền thanh toán

- Mua NVL được hưởng chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, hàng mua bị trả lại:

Nợ TK 111 : Tổng số tiền giảm giá hoặc trả lại bằng TM

Nợ TK 112 : Tổng số tiền giảm giá hoặc trả lại bằng TGNH

Nợ TK 331 : Tổng số tiền được giảm giá hoặc trả lại trừ vào nợ.

Có TK 152 : Trị giá NVL được giảm giá hoặc trả lại.

Có TK 133 : Thuế GTGT (nếu có).

- Nếu được hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán trước kỳ hạn cho người bán, phản ánh vào thu nhập hoạt động tài chính, kế toán ghi :

Nợ TK 111 : Số tiền chiết khấu được hưởng bằng tiền mặt

Nợ TK 112 : Số tiền chiết khấu được hưởng bằng TGNH

Nợ TK 331 : Số tiền chiết khấu được hưởng trừ vào nợ

Có TK 515 : Số tiền chiết khấu được hưởng.

* Doanh nghiệp đã nhận hoá đơn nhưng nguyên, vật liệu chưa về nhập kho :

- Lưu hoá đơn vào tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường” và định khoản :

Nợ TK 151 : Trị giá nguyên, vật liệu theo chứng từ

Nợ TK 133 : Thuế GTGT (nếu có)

Có TK 111 : Tổng giá thanh toán bằng tiền mặt

Có TK 112 : Tổng giá thanh toán bằng TGNH

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán chưa trả cho người bán

Có TK 141 : Tổng giá thanh toán bằng tạm ứng

- Tháng sau, khi hàng về nhập kho hoặc chuyển cho bộ phận sản xuất (sử dụng luôn):

Nợ TK 152 : Trị giá nguyên, vật liệu nhập kho

Nợ TK 627, 641, 642, 621 : Nếu sử dụng luôn

Nợ TK 632 : Giao cho khách hàng

Có TK 151 : Trị giá NVL nhập kho

* Giá trị nguyên, vật liệu gia công xong nhập lại kho :

Nợ TK 152 : Trị giá thực tế vật liệu nhập lại kho

Có TK 154 : Chi tiết gia công nguyên vật liệu

* Nhận góp vốn liên doanh của đơn vị khác bằng NVL... nhận lại vốn góp:

Nợ TK 152 : Giá trị nguyên, vật liệu nhận góp vốn

Có TK 411 : Nhận góp vốn

Có TK 222, 128 : Nhận lại vốn góp

* Đối với nguyên, vật liệu nhập khẩu, khoản thuế nhập khẩu phải nộp cho nhà nước được phản ánh vào giá nhập và kế toán ghi :

Nợ TK 152 : Nguyên, vật liệu

Có TK 3333 : Thuế nhập khẩu phải nộp

- Khoản thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) phải nộp cho nhà nước cũng được tính theo giá nhập, kế toán ghi :

Nợ TK 152 : Nguyên, vật liệu

Có TK 3332 : Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp

- Đối với thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp nếu được khấu trừ :

Nợ TK 133 : Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ

Có TK 33312 : Thuế GTGT hàng nhập khẩu

- Nếu thuế GTGT phải nộp đối với hàng nhập khẩu không được khấu trừ :

Nợ TK 152 : Nguyên, vật liệu

Có TK 33312 : Thuế GTGT hàng nhập khẩu

- Các chi phí thu mua, vận chuyển nguyên, vật liệu về kho của DN :

Nợ TK 152 : Các chi phí thực tế phát sinh

Nợ TK 133 : Thuế GTGT (nếu có)

Có TK 111 : Thanh toán chi phí bằng tiền mặt

Có TK 112 : Tổng trị giá thanh toán bằng TGNH

Có TK 141 : Tổng chi phí thanh toán bằng tạm ứng

Có TK 331 : Tổng chi phí chưa thanh toán người bán

* Nhập kho có chứng từ đầy đủ, số lượng hàng nhập kho với số lượng hàng nhập kho thừa so với số phản ánh trên hoá đơn, chứng từ, nếu chỉ giữ hộ người bán phần nguyên, vật liệu thừa :

Nợ TK 002 : Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, gia công

- Khi trả lại người bán số hàng thừa, kế toán ghi :

Có TK 002 : Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, gia công

- Nếu nhập luôn số nguyên, vật liệu thừa, khi nhập kho kế toán ghi :

Nợ TK 152 : Trị giá thực tế nguyên, vật liệu nhập kho

Nợ TK 133 : Thuế GTGT (nếu có)

Có TK 111 : Tổng giá thanh toán bằng tiền mặt

Có TK 112 : Tổng giá thanh toán bằng TGNH

Có TK 1411 : Tổng giá thanh toán bằng tiền tạm ứng

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán chưa trả người bán

Có TK 3388 : Trị giá vật liệu thừa

- Khi có quyết định giải quyết số nguyên, vật liệu thừa, mua luôn số thừa :

Nợ TK 3388 : Trị giá nguyên, vật liệu thừa

Nợ TK 133 : Thuế GTGT liên quan đến nguyên liệu thừa

Có TK 111 : Thanh toán bổ sung bằng tiền mặt

Có TK 112 : Thanh toán bổ sung bằng TGNH

Có TK 331 : Thanh toán bổ sung phải trả người bán

- Trả lại người bán :

Nợ TK 3388 : Trị giá nguyên, vật liệu thừa

Có TK 152 : Trị giá nguyên, vật liệu thừa

1.5.3.2. Kế toán xuất nguyên liệu vật liệu

+ *Xuất kho nguyên, vật liệu sử dụng (căn cứ chứng từ xuất kho) :*

Nợ TK 621 : Dùng cho sản xuất

Nợ TK 627 : Dùng cho quản lý phân xưởng

Nợ TK 641 : Dùng cho bán hàng

Nợ TK 642 : Dùng cho quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 241 : Dùng cho xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn TSCĐ

Nợ TK 154 : Xuất gia công, chế biến

Có TK 152 : Giá trị nguyên, vật liệu xuất kho

+ Xuất kho nguyên, vật liệu nhượng bán, cho vay (nếu có) :

Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán

Nợ TK 1388 : Xuất kho NLVL cho vay

Có TK 152 : Giá trị nguyên liệu vật liệu xuất kho

+ Xuất kho nguyên, vật liệu góp vốn liên doanh với các đơn vị khác (giá do hội đồng liên doanh đánh giá) :

- Nếu giá trị được đánh giá > giá trị thực tế của nguyên, vật liệu đem góp :

Nợ TK 128, 222 : Giá do hội đồng liên doanh đánh giá

Có TK 152 : Giá thực tế của nguyên, vật liệu

Có TK 711 : Phần chênh lệch tăng

- Nếu giá trị được đánh giá < giá trị thực tế của nguyên, vật liệu đem góp :

Nợ TK 128, 222 : Giá do hội đồng liên doanh định giá

Nợ TK 811 : Phần chênh lệch giảm

Có TK 152 : Giá thực tế của nguyên, vật liệu

+ Đối với nguyên, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê :

- Nếu hao hụt trong định mức, ghi :

Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán

Có TK 152 : Giá trị nguyên, vật liệu

- Nếu thiếu hụt chưa xác định được nguyên nhân thì ghi :

Nợ TK 1381 : Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 152 : Giá trị nguyên, vật liệu

* Căn cứ biên bản xác định giá trị vật liệu thiếu hụt, mất mát về biên bản xử lý :

Nợ TK 1388 : Phải thu khác

Nợ TK 111 : Tiền mặt

Nợ TK 334 : Phải trả công nhân viên

Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán (phần còn lại)

Có TK 1381 : Tài sản thiếu chờ xử lý

1.6. Tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp

1.6.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Biểu số 01)

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

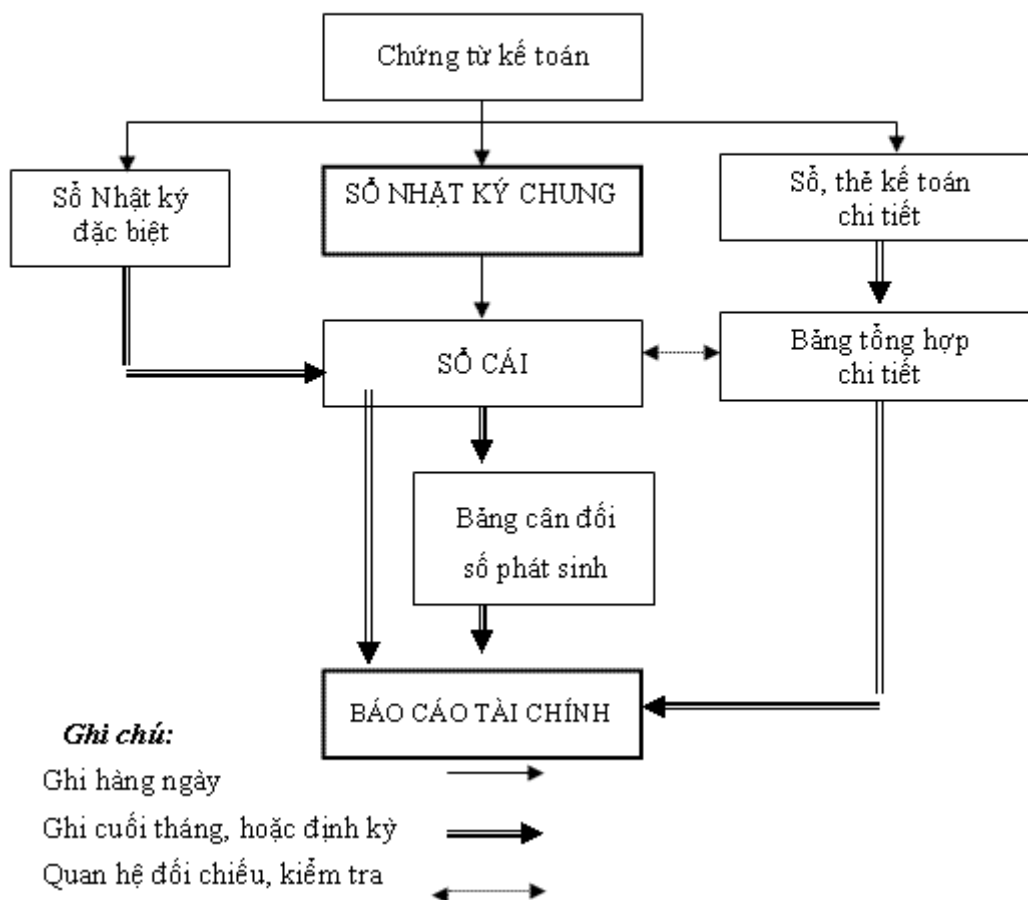
Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Biểu số 01
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



1.6.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết;

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái (Biểu số 02)

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký

– Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

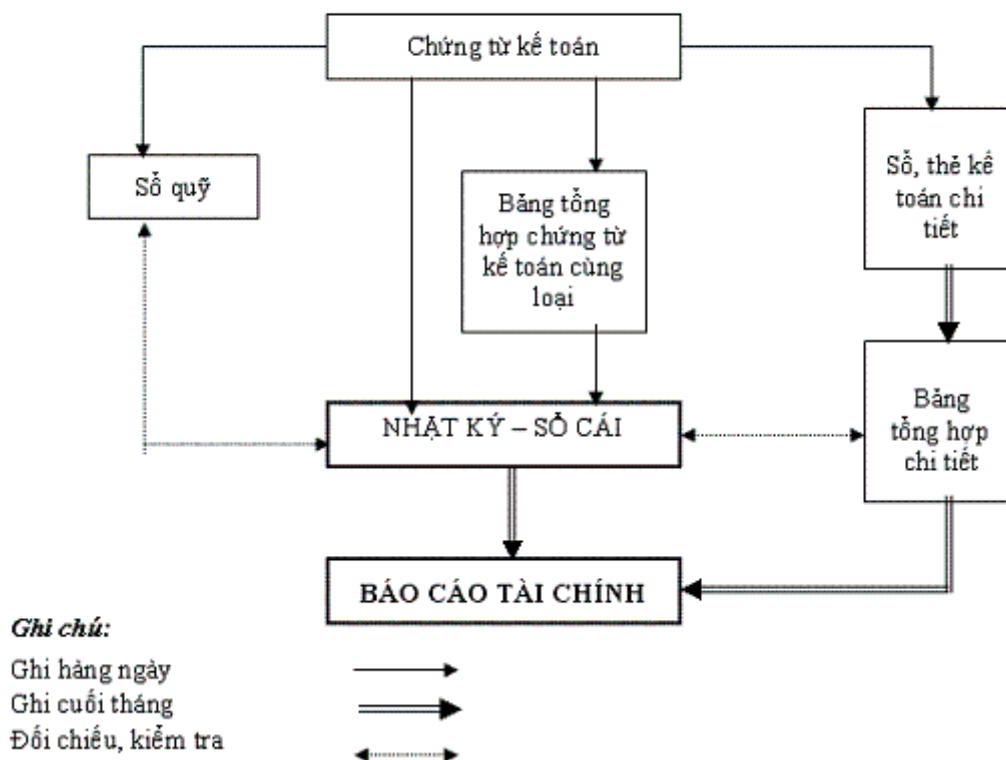
Tổng số tiền "Phát sinh" ở phần Nhật Ký = Tổng số tiền phát sinh Nợ của tất cả các Tài khoản = Tổng số tiền phát sinh Có của các tài khoản

Tổng số dư Nợ các tài khoản = Tổng số dư Có các tài khoản

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập "Bảng tổng hợp chi tiết" cho từng tài khoản. Số liệu trên "Bảng tổng hợp chi tiết" được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên "Bảng tổng hợp chi tiết" sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Biểu số 02
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI



1.6.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết;

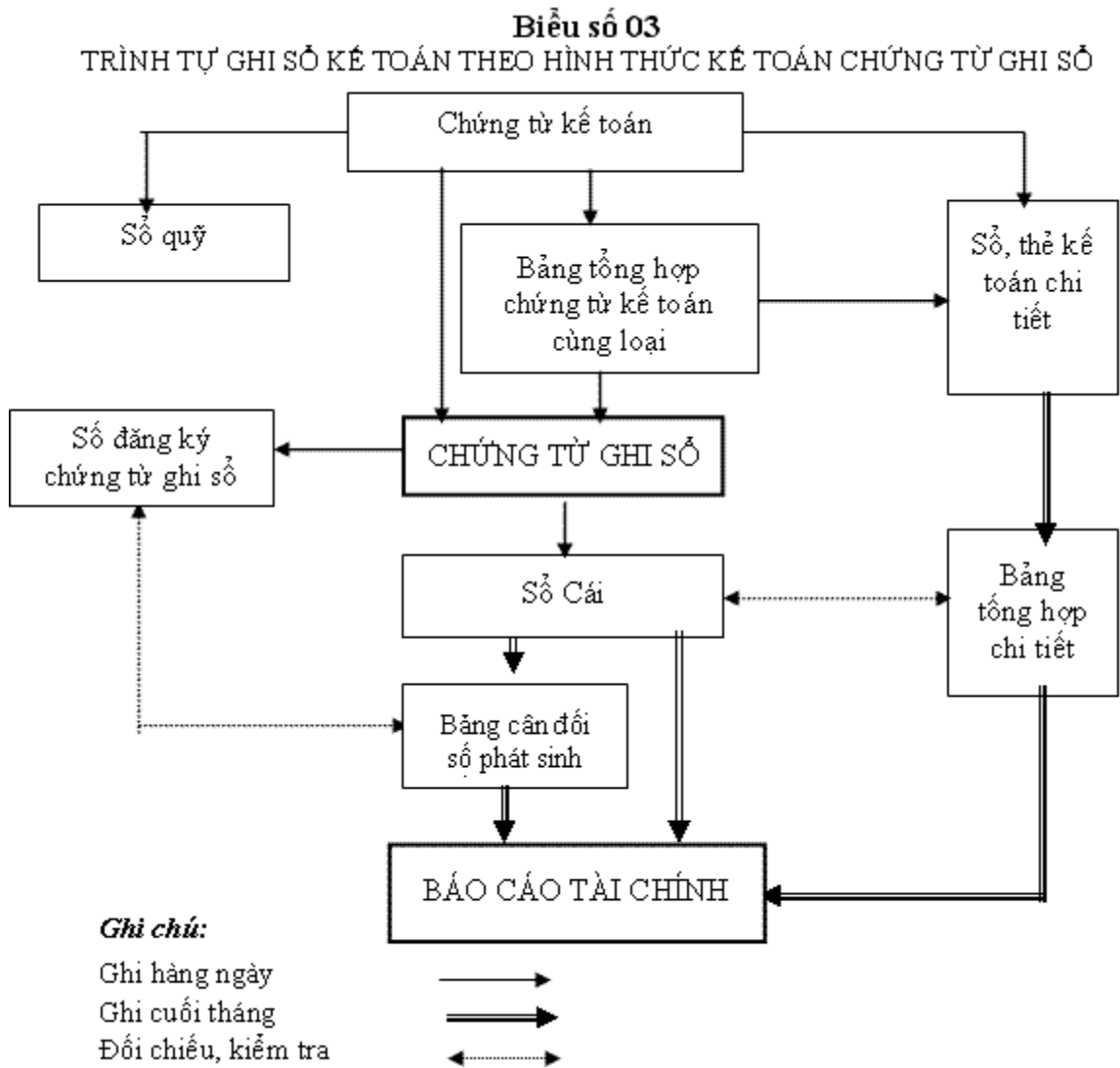
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ (Biểu số 03)

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



1.6.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT):

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết;

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ (Biểu số 04)

(1). Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

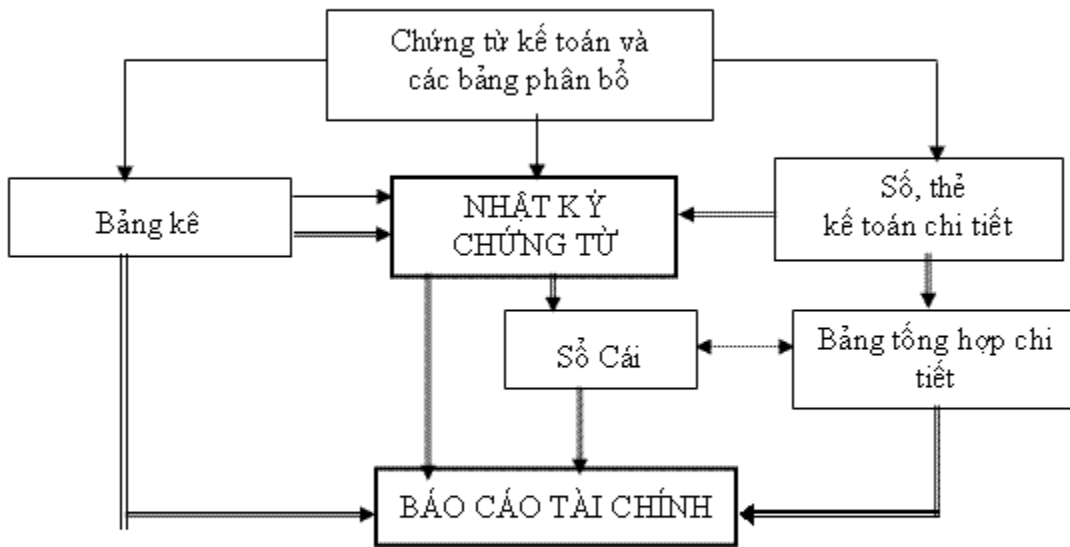
Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

(2). Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Biểu số 04
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN
NHẬT KÝ - CHỨNG TỪ

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra

**1.6.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Biểu số 05)

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác

định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

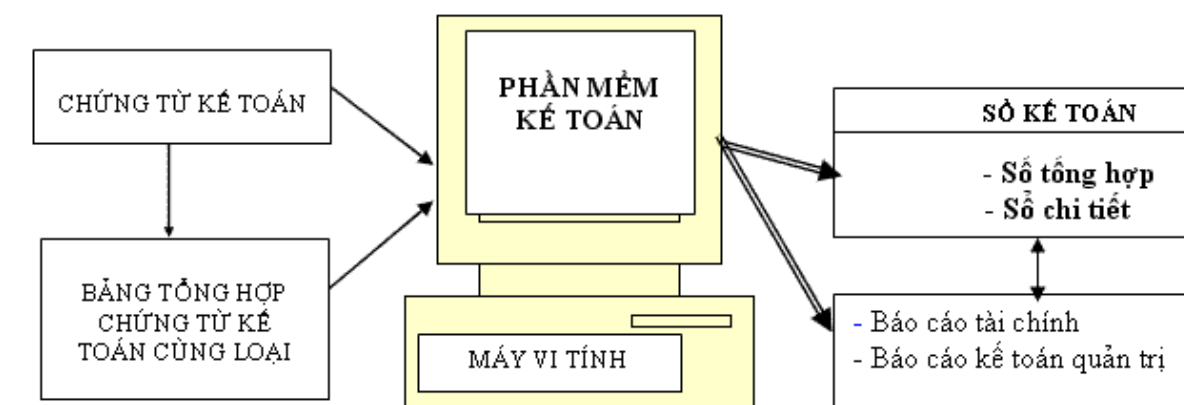
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Biểu số 05
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



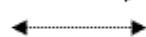
Ghi chú:



Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ THANH SANG VIỆT NAM

2.1. Tổng quan chung về công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam là một công ty thuộc tập đoàn Chân Lạc Phát của Hồng Kông, là xưởng thứ 4 của tập đoàn tại Việt Nam.

- Tên doanh nghiệp: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam
- Tên giao dịch quốc tế: Innovative Sonic VN International limited.
- Tên viết tắt: ISV Việt Nam.
- Loại hình Doanh Nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Giấy phép chứng nhận đầu tư số: 021043000172 do UBND Thành Phố Hải Phòng cấp lần đầu tiên ngày 17/12/2009
- Địa điểm trụ sở chính: Thôn Văn Trang, Xã Trường Sơn. An Lão, Hải Phòng.
- Diện tích đất sử dụng dự kiến: 15.000m².
- Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 20 tỷ VNĐ.
- Người đại diện theo pháp luật: Leung Wai Ho, chức vụ: Chủ tịch Công ty, sinh ngày 6 tháng 9 năm 1955, quốc tịch: Trung Quốc (Hong Kong), hộ chiếu số: KJ0124123 do Phòng Nhập cư Đặc khu Hành Chính Hồng Kông cấp ngày 01 tháng 6 năm 2009, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Room 08, 27/F, Kwong Kin Trade Center, No.5 Kin Fat Street, Tuen Mun, N.T., Hong Kong.

Công ty đi vào hoạt động từ đầu năm 2010 với đơn hàng đầu tiên trị giá 5000 USD. Bản hợp đồng đầu tiên này là động lực có tác động không nhỏ tới sự nỗ lực của toàn thể nhà máy. Để mở rộng kinh doanh sản xuất và hơn nữa là phục vụ cho chính nhu cầu sản xuất của công ty, tháng 6 năm 2011 công ty mở rộng quy mô sản xuất, sản xuất bao bì đóng gói.

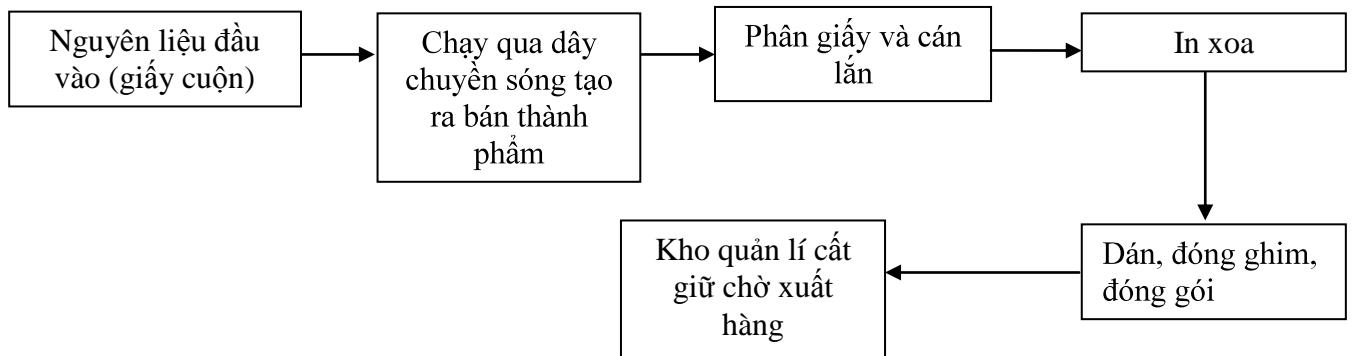
2.1.2. Lĩnh vực hoạt động và chức năng nhiệm vụ của công ty

Ngành nghề sản xuất kinh doanh

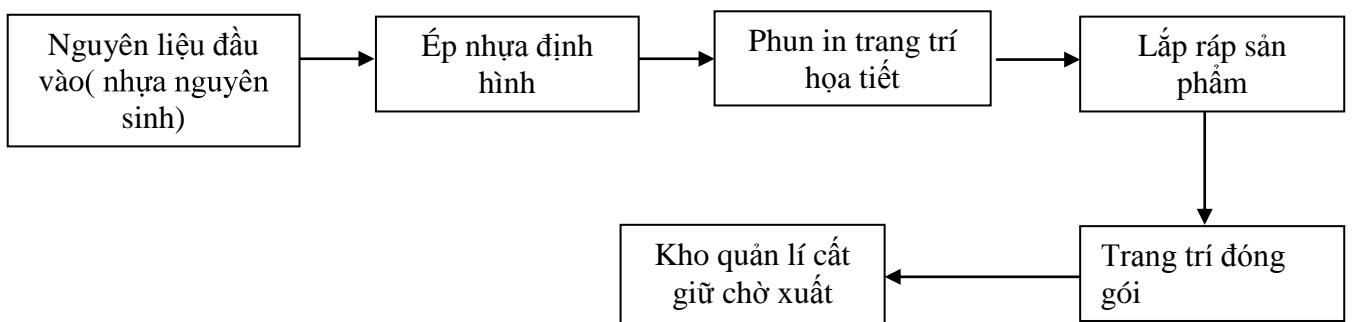
STT	Mã ngành	Tên ngành
1	32400	- Sản xuất đồ chơi, trò chơi: sản xuất và lắp ráp các loại đồ chơi bằng nhựa.
2	17021	- Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa: sản xuất bao bì đóng gói

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình sản xuất

* Xưởng sản xuất bao bì carton



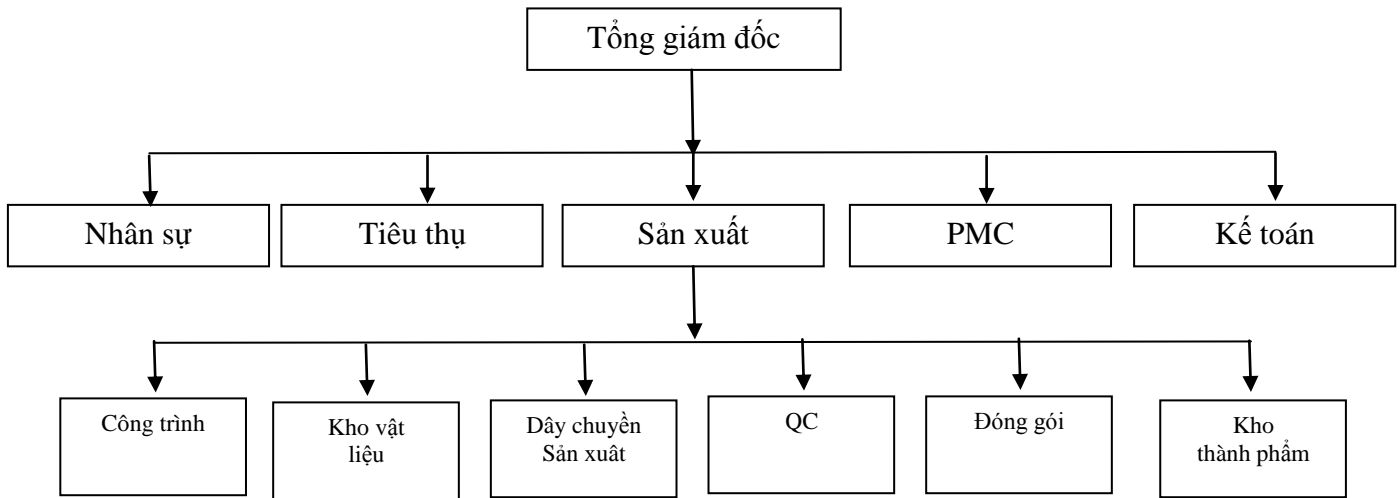
* Xưởng sản xuất đồ chơi



2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

2.1.3.1. Sơ đồ các phòng ban

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ các phòng ban



2.1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban

Tổng giám đốc: Là người đứng đầu, có quyền quản lý cao nhất, có quyền quyết định chỉ đạo trực tiếp các phương án kinh doanh của công ty, là người đại diện theo pháp luật của Công Ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị Công Ty, điều hành các hoạt động hàng ngày của Công Ty cũng như thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, có quyền miễn nhiệm, bổ nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty đồng thời giám đốc có trách nhiệm đối với đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty.

Phòng nhân sự: Chịu sự lãnh đạo trực tiếp từ tổng giám đốc, là người trực tiếp quản lý nhân sự trong công ty. Có chức năng sắp xếp lực lượng lao động, tuyển mới, thanh toán nghỉ chế độ cho những người lao động đến tuổi hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động; soạn thảo, ban hành các nội quy, quy chế về tuyển dụng lao động; ra các quyết định về tuyển dụng, nghỉ chế độ, sắp xếp nâng bậc lương cho cán bộ công nhân viên. Lập các kế hoạch về đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ các phòng ban.

Phòng tiêu thụ: Lập kế hoạch lao động, kế hoạch về đơn giá tiền lương cho từng loại sản phẩm, qui đổi, tính toán và xây dựng định mức tiền lương theo giai đoạn công nghệ, tính toán tiền lương sản phẩm và thời gian cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong toàn công ty, có kế hoạch bồi dưỡng công nhân, theo

đổi tình hình biến động tăng giảm công nhân, nâng bậc lương cho công nhân đến kỳ kế hoạch.

Là nơi triển khai kế hoạch kinh doanh của toàn Công Ty. Bố trí những cán bộ công nhân viên có đầy đủ kinh nghiệm trong công việc và không thể tách rời với phòng kế toán.

Phòng PMC: Có trách nhiệm nghiên cứu bản vẽ, tổ chức giám sát theo đúng kế hoạch đề ra, trực tiếp sản xuất thao tác kỹ thuật theo đúng nguyên lý máy móc thiết bị sử dụng nguyên liệu theo định mức, đề xuất sáng kiến phục vụ sản xuất cho cấp trên. Điều hành thiết kế, đọc bản vẽ, quản lý tình hình thực hiện kế hoạch, quản lý chỉ đạo phòng kỹ thuật và bộ phận sản xuất.

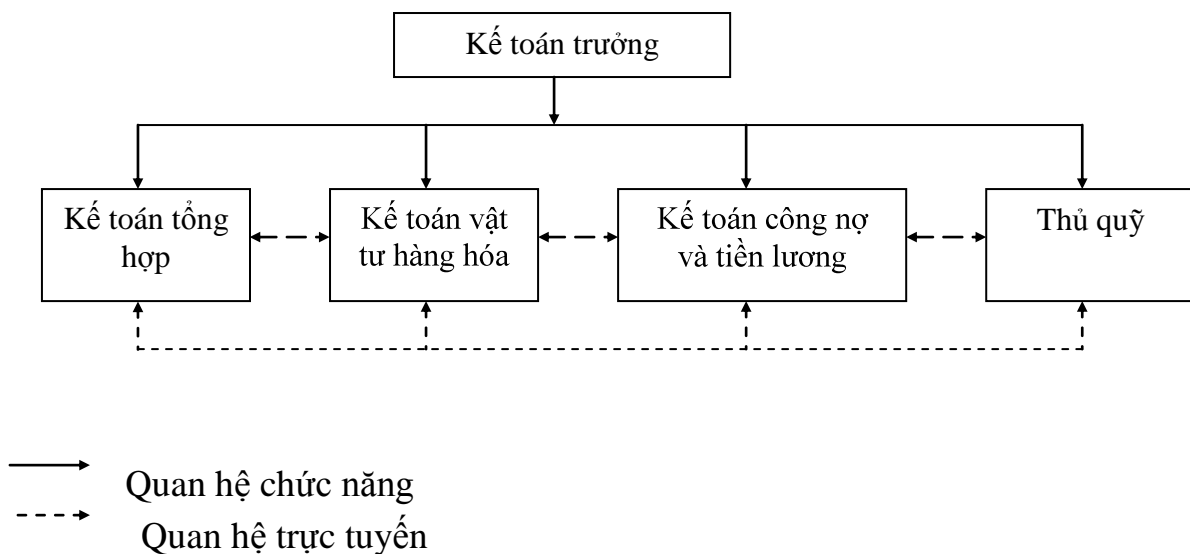
Phòng kế toán: Là nơi tổ chức hạch toán quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, theo dõi sự biến động của tài sản và nguồn vốn.

Bộ phận sản xuất: Đề ra các biện pháp, kế hoạch sản xuất hợp lý, chịu trách nhiệm về qui cách, mẫu mã và chất lượng sản phẩm. Trực tiếp sản xuất chế tạo ra sản phẩm.

2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán và công tác kế toán

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán và chức năng nhiệm vụ của từng kế toán viên

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán



Kế toán trưởng: Là người phụ trách chung của phòng kế toán, chịu trách nhiệm với lãnh đạo của công ty và là người tổ chức công tác kế toán. Kế toán trưởng có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, việc điều hành chế độ chính sách về quản lý tài chính và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tổ chức thực hiện lập và nộp báo cáo thống kê kế toán kịp thời, đầy đủ, phản ánh tình hình huy động vốn kinh doanh cho lãnh đạo công ty.

Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm theo dõi số liệu kế toán tổng hợp của toàn công ty và tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo kế toán.

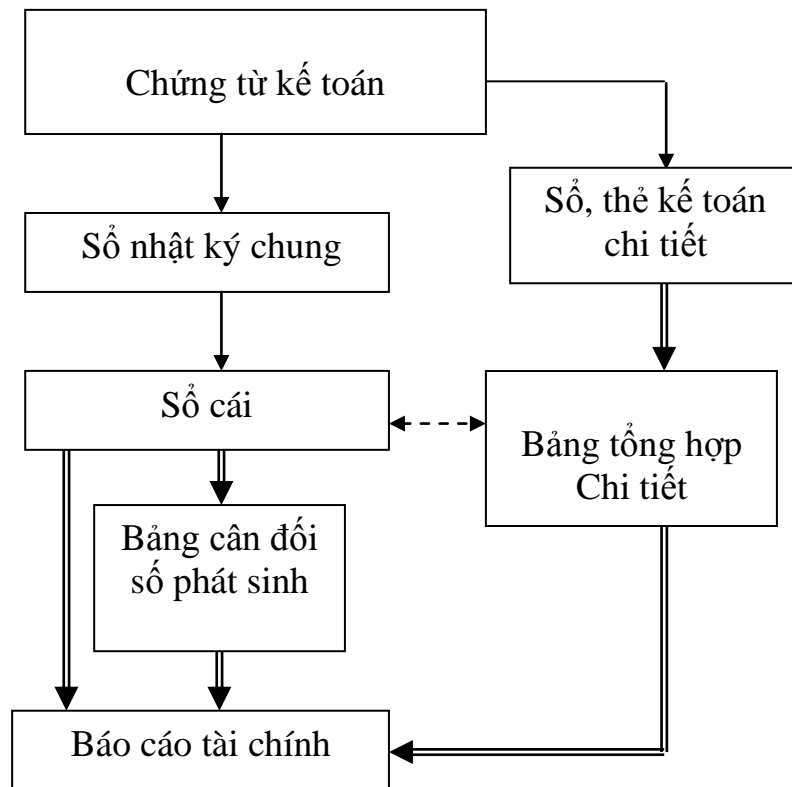
Kế toán vật tư hàng hoá: Có trách nhiệm theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn vật tư hàng hoá. Mở các sổ chi tiết, các bảng kê định kỳ, lập bảng cân đối nhập, xuất, tồn vật tư hàng hoá và thường xuyên đối chiếu với thủ kho để phát hiện sai sót.

Kế toán công nợ và tiền lương: Đối chiếu công nợ phát sinh với nhà cung ứng trong tháng, Căn cứ vào bảng chấm công của phòng nhân sự và quy chế tính lương của của công ty tính ra lương phải trả cho cán bộ công nhân viên trong kỳ.

Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm trước giám đốc và kế toán trưởng về tiền mặt, tồn quỹ hàng ngày, có trách nhiệm thu chi, bảo quản tiền mặt và lập báo cáo quỹ mỗi tháng. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ, toàn bộ chứng từ trước khi thanh toán, theo dõi tình hình thu chi tiền mặt, cập nhật vào sổ sách hàng ngày.

2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam

Công ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung và thực hiện hạch toán kế toán theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC (Sơ đồ 2.4)

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hình thức kế toán nhật ký chung tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Đối chiếu : \longleftrightarrow

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.2. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu tại công ty TNHH Quốc tế Thanh Sang Việt Nam

2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty TNHH Quốc tế Thanh Sang Việt Nam

Với khối lượng và chủng loại NVL tương đối đa dạng và phức tạp - NVL của Công Ty có rất nhiều loại, đơn vị tính, nhiều công dụng khác nhau. Nhưng hiện tại NVL của Công Ty được phân chia theo từng nhóm, từng loại, từng nội dung kinh tế, chức năng khác nhau và được dùng chủ yếu cho sản xuất. Các loại NVL chủ yếu của Công Ty gồm có:

- **Nguyên vật liệu chính:** Là những loại nguyên liệu và vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất, cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Nguyên vật liệu chính trong công ty chủ yếu là: Giấy cuộn và Giấy bản.

- **Nguyên vật liệu phụ:** Là những loại vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm: Tinh bột sắn, xút, phèn, keo, mực.....

- **Nhiên liệu:** Là vật liệu phục vụ cho máy móc, phương tiện vận tải của công ty: Xăng, dầu, mỡ.....

- **Phụ tùng thay thế:** Là các chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị, ô tô mà công ty sử dụng thay thế của ô tô, máy móc thiết bị hư hỏng như: lốp ô tô, vòng bi, phốt, xi lanh.....

2.2.2. Công tác quản lý mua sắm, dự trữ, bảo quản và quản lý NVL tại công ty

2.2.2.1. Khâu mua sắm nguyên vật liệu

Nguồn cung cấp NLVL của công ty nhập kho chủ yếu do mua ngoài từ các đơn vị có quan hệ mua bán lâu dài, có uy tín với công ty ở trong nước và nhập khẩu. Còn một số phụ tùng thay thế thì công ty cử cán bộ vật tư đi mua ngoài thị trường. Các loại vật tư sau khi đã kiểm nhận, công ty thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc nợ lại.

2.2.2.2. Khâu quản lý nguyên vật liệu

Để thuận tiện cho quá trình quản lý cũng như cung cấp thông tin về từng loại nguyên vật liệu cụ thể. Công ty đã phân loại chi tiết tới từng nguyên vật liệu và lập danh điểm nguyên vật liệu quy định cho mỗi loại nguyên vật liệu một mã riêng bằng hệ thống các chữ cái để thay thế tên gọi

quy cách, kích cỡ của chúng. Với cách mã hoá này, khi có các nghiệp vụ nhập khẩu nguyên vật liệu thì có thể dễ dàng khai báo thêm. Việc mã hoá tên các vật liệu của công ty hiện nay được xây dựng trên cơ sở nguồn gốc nhập và công dụng của các loại vật liệu.

Hệ thống kho tàng của công ty được quản lý chặt chẽ, mỗi kho có một thủ kho quản lý và sử dụng thẻ kho theo dõi từng loại vật liệu.

2.2.2.3. Khâu dự trữ, bảo quản nguyên vật liệu

Khâu dự trữ có tác dụng thúc đẩy nhanh quá trình chuyển hóa của nguyên vật liệu, hạn chế nguyên vật liệu bị ứ đọng, rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh nên công ty cũng rất chú trọng ở khâu này. Công ty đã xây dựng định mức tối đa và định mức dự trữ tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị đình trệ, gián đoạn. Các kho hàng được trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo kiểm tra, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu.

2.2.2.4. Quy trình kiểm kê nguyên vật liệu tại công ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam

Định kỳ hàng tháng tổ chức kiểm kê vật tư ở kho công ty và các phân xưởng theo hình thức kiểm kê chi tiết cân, đo, đong, đếm. Thủ kho tham gia kiểm đếm nguyên vật liệu vào ngày 25 hàng tháng. Bộ phận kế toán sẽ tham gia phúc kiểm vào ngày 26.

2.3. Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Quốc tế Thanh Sang Việt Nam

2.3.1. Chứng từ liên quan đến nguyên vật liệu tại công ty

- Phiếu Nhập kho
- Hóa đơn GTGT của người bán
- Phiếu xin lĩnh vật tư
- Phiếu xuất kho

2.3.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại công ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam

2.3.2.1. Xác định giá thực tế của vật liệu nhập kho

Nguồn nhập nguyên liệu của công ty nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài (mua trong nước hoặc nhập khẩu) không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh. Vì là đơn vị sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên trị giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho là giá chưa có thuế GTGT.

Phần lớn, nguyên vật liệu mua ngoài theo hợp đồng kinh tế và được giao nhận tại kho, nên chi phí vận chuyển, bốc xếp do bên bán chịu. Trong trường hợp này, trị giá vốn thực tế nhập kho là giá mua ghi trên hoá đơn chưa có thuế GTGT.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực} \\ \text{tế nguyên vật liệu nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng mua} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{nhập kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{ghi trên hoá đơn} \\ \text{(chưa có thuế GTGT)} \end{array}$$

- Với nguyên vật liệu mua trong nước: Khi mua NVL sẽ có hoá đơn GTGT, giá thực tế nhập kho của NVL chính là giá mua ghi trên hoá đơn GTGT (không có thuế giá trị gia tăng).

Ví dụ 2.1: “ Phiếu nhập kho” ngày 30/12/2014 có ghi: Nhập tem giấy trắng của công ty TNHH Hoàng Phong. Theo hoá đơn GTGT số 0000133:

- Số lượng tem	:	16.507 pcs
- Đơn giá	:	20đ/ pcs
- Trị giá mua	:	330.140 VND
- Thuế GTGT (10%)	:	33.014 VND
- Tổng giá thanh toán	:	363.154 VND

Vậy giá thực tế nhập kho của tem giấy trắng đó là : 330.140 VND.

- Còn với NVL nhập khẩu thì giá trị thực tế nhập kho là giá thanh toán bao gồm cả thuế nhập khẩu và thuế GTGT của NVL nhập khẩu.

Riêng với chi phí vận chuyển và chi phí bốc dỡ thì chi phí đó chính là tiền xăng dầu, trả lương cho công nhân, lái xe của công ty, nếu là thuê vận chuyển bốc dỡ thì công ty trả ngay tiền đi thuê. Tất cả các chi phí này đều không được tính vào giá thực tế nhập kho của NVL mà tính thẳng vào chi phí sản xuất chung. Chính vì vậy chúng không có mặt trong giá trị thực tế nhập kho của NVL. Do đó điều này không phản ánh được chính xác chi phí liên quan đến NVL dùng cho sản xuất của công ty.

2.3.2.2. Xác định giá thực tế của vật liệu xuất kho

Sau khi nhập kho, tùy thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh mà NVL sẽ được xuất ra để phục vụ cho quá trình sản xuất. Do NVL ở công ty được nhập từ nhiều nguồn khác nhau, tại các thời điểm khác nhau, với giá mua khác nhau nên khi xuất dùng NVL, kế toán thực hiện tính giá vốn thực tế cho các nhu cầu, đối

tượng sử dụng khác nhau theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá xuất kho của NVL được tính vào cuối tháng.

Theo phương pháp này, giá thực tế xuất kho được tính như sau:

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \frac{\text{Số lượng NVL xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân}}$$

Trong đó:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn đầu tháng} + \text{Giá thực tế NVL nhập trong tháng}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu tháng} + \text{Số lượng NVL nhập trong tháng}}$$

Sử dụng phương pháp giúp cho việc tính giá NVL xuất kho một cách đơn giản và nhanh chóng. Tuy nhiên, do giá trị NVL xuất kho được xác định trên cơ sở bình quân giá trị của NVL tồn đầu tháng và toàn bộ NVL nhập trong tháng nên chỉ đến cuối tháng kế toán mới tính được giá trị NVL xuất kho. Vì vậy, trong tháng khi xuất NVL để sản xuất và sử dụng cho các nhu cầu khác, kế toán chỉ có thể theo dõi được về mặt số lượng, đến cuối tháng khi khoá sổ kế toán sẽ tính lại giá xuất theo chứng từ đã lập sẵn.

2.3.3. Các tài khoản kế toán sử dụng để hạch toán kế toán về nguyên vật liệu công ty

Để hạch toán nguyên vật liệu, kế toán công ty sử dụng TK:

- TK 152 – Nguyên vật liệu
- Ngoài ra công ty còn sử dụng một số TK có liên quan như TK 133, 331, 111, 112, 141, 642, 622, 627.....

2.3.4. Các sổ sách kế toán sử dụng có liên quan đến nguyên vật liệu công ty

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết vật liệu (Dùng cho tài khoản 152)
- Sổ cái (Dùng cho tài khoản 152, 331, 111, 112...)

2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam

2.4.1. Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu tại công ty

Toàn bộ quy trình nhập kho nguyên vật liệu tại công ty được bắt đầu từ việc lựa chọn nhà cung ứng, kí kết hợp đồng mua bán, vận chuyển hàng, giao hàng và nhập kho, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán. Các chứng từ như hợp đồng mua bán, hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho....được luân chuyển và xử lý một cách khoa học.

Tại công ty, nguyên vật liệu nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài. Căn cứ vào các đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, bộ phận sản xuất có nhiệm vụ lên kế hoạch sản xuất, tính toán nguyên vật liệu đầu vào cần thiết, quy cách chủng loại,...đề trình giám đốc. Căn cứ vào kế hoạch đó, giám đốc xem xét, chỉ đạo phòng kinh doanh có nhiệm vụ tìm nhà cung ứng thích hợp thông qua việc kí kết hợp đồng mua bán.

Trong quá trình mua nguyên vật liệu, chứng từ quan trọng là hoá đơn GTGT (Biểu 2.1). Hoá đơn GTGT cùng với hợp đồng sẽ được gửi lên phòng kế toán. Khi nhận được các chứng từ này, kế toán kiểm tra đối chiếu giữa chúng, sau đó dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho, sổ nhật ký chung...

Khi nguyên vật liệu về tới công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và đối chiếu với hợp đồng đã ký với các nhà cung cấp, sau đó tiến hành các thủ tục nhập kho. Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng của các lô hàng khi tổ chức vận chuyển, bốc xếp vật liệu vào kho. Trong trường hợp nếu phát hiện vật tư kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng kỹ thuật vật tư cùng với bộ phận KCS tiến hành kiểm tra lại lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời. Sau đó, sẽ được ghi vào phiếu yêu cầu nhập vật tư (Biểu 2.2). Phòng vật tư tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu 2.3) giao cho thủ kho. Sau khi nhập kho, thủ kho cùng với người giao hàng ký vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho gồm 2 liên:

Liên 1: Thủ kho gửi lại cho phòng vật tư (nơi lập phiếu).

Liên 2: Thủ kho dùng để ghi số thực nhập vào thẻ kho sau đó sẽ giao lại cho phòng kế toán.

Phiếu nhập kho sau khi được đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và căn cứ vào hoá đơn GTGT, các chứng từ liên quan khác để hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu nhập kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hoá đơn GTGTkế toán ghi sổ nhật ký chung.

Mặt khác, phiếu nhập kho sau khi hoàn chỉnh được dùng làm căn cứ để ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 2.7).

Đối với trường hợp nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước ngoài, khi nhận hàng thủ kho phải căn cứ vào "Phiếu giao hàng kèm phiếu xuất kho" đối chiếu với "phiếu cân cảng" về số bao và về trọng lượng (cân cảng và cân công ty) để xem xét có hợp lệ và đúng theo hợp đồng đã ký. Nếu thấy hợp lý, thủ kho sẽ tiến hành ký xác nhận vào "Phiếu cân cảng". Phiếu nhập kho sẽ được lập sau khi có đủ chữ ký của các bộ phận có liên quan.

Ví dụ 2.2: Ngày 18/12/2014 công ty có nhập kho 1 lô hàng giấy sớ từ công ty Đức Anh theo HĐ GTGT 0034976. Tổng giá thanh toán là 171.754.000 đ. Trong đó đơn giá chưa có VAT 10% là 156.140.000 đ, công ty thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:01GTKT3/001												
LIÊN 2: Giao người mua			Ký hiệu:01AA/13P												
Ngày 18/12/2014			Số:0034976												
<i>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đức Anh</i>															
Mã số thuế : 0201559207															
Địa chỉ : <i>Thôn Cầu Hạ, Xã Quang Trung, Huyện An Lão, Hải Phòng, Việt Nam</i>															
Số điện thoại : 0313.572.819			Fax : 0313.572.819												
Họ và tên người mua hàng :															
Tên đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam															
Mã số thuế :		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> </tr> </table>				0	2	0	1	1	3	6	9	5	6
0	2	0	1	1	3	6	9	5	6						
Địa chỉ: <i>Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng</i>															
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản Số tài khoản :															
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3=1*2										
1	Tiền hàng tháng 12/2014				156.140.000										
Cộng tiền hàng					156.140.000										
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					15.614.000										
Tổng cộng tiền thanh toán					171.754.000										
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng chẵn.															
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)											

Khi nguyên liệu về, phòng vật tư tiến hành làm thủ tục kiểm tra chất lượng và ghi kết quả kiểm tra vào phiếu yêu cầu nhập vật tư.

Biểu 2.2: Phiếu yêu cầu

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam

Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

PHIẾU YÊU CẦU NHẬP VẬT TƯ

Tên chủ hàng: Công ty Đức Anh

Theo hợp đồng số: 28

Ngày 18 tháng 12 năm 2014

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Kết quả kiểm tra
1	Giấy sớng	Kg	21.100	Đ

Ghi chú: *Kết quả kiểm tra nếu đạt thì ghi chữ “Đ”, không đạt thì ghi chữ “K”*

Kết luận: Đạt yêu cầu.

TP vật tư

(Ký, họ tên)

Nhân viên kiểm tra

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn, phòng vật tư lập phiếu nhập kho nguyên vật liệu

Biểu 2.3: Phiếu nhập kho

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ THANH SANG VIỆT NAM
XUỞNG CARTON
PHIẾU NHẬP KHO

入库单位 Nhập tại kho : Nguyên liệu

Ngày tháng: 18-12-2014

收货单位 Đơn vị nhận hàng.....

NO: PNK00542

STT	Khách hàng	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	USD (1usd=21 000vn)	Ghi chú
1	Đức Anh	芯纸 130g/m2(GS130-1500)	kg	21.100	7.400	156.140.000	7.435,24	
		Tổng		21.100		156.140.000	7.435,24	

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ trách vật tư

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

2.4.2. Chứng từ xuất nguyên vật liệu tại công ty

Ở công ty, xuất kho nguyên vật liệu chủ yếu là cho sản xuất sản phẩm, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ liên quan tới nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ.

Các chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu xuất nguyên vật liệu, lệnh sản xuất, phiếu xin lĩnh vật tư...

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất trong ngày, phân xưởng sản xuất lập "phiếu xin lĩnh vật tư" (Biểu 2.4) hoặc "phiếu xin lĩnh vật tư theo hạn mức". Phiếu này sẽ ghi rõ họ tên người lĩnh, chi tiết loại vật tư, số lượng. Ngoài ra, có thể kèm theo "phiếu lệnh sản xuất" xác định tên sản phẩm sản xuất, tổng số, và loại đóng gói bao gồm hai cột: kế hoạch và thực hiện, trên đó có chữ ký của người viết lệnh, người nhận, người giám sát sản xuất.

Sau khi đã thông qua phòng cung ứng vật tư, xét thấy nhu cầu hợp lý, kế toán sẽ viết phiếu xuất kho (Biểu 2.5) theo số lượng yêu cầu của phân xưởng. Phiếu xuất kho có thể lập riêng cho từng thứ nguyên vật liệu hoặc lập cho nhiều loại cùng kho. Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Thủ kho giữ (liên gốc), làm căn cứ ghi vào sổ theo dõi dưới kho.
- Liên 2: Kế toán giữ làm căn cứ ghi vào sổ.

Sau đó, thủ kho sẽ tổ chức giám sát công nhân lấy nguyên vật liệu trong kho theo yêu cầu.

Ví dụ 2.3: Ngày 11/12/2014 phân xưởng sản xuất có nhu cầu vật tư. Đơn lĩnh vật liệu được viết như sau:

Biểu 2.4: Phiếu xin lĩnh vật tư

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam

Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

PHIẾU XIN LĨNH VẬT TƯ

Ngày 11 tháng 12 năm 2014

Tên tôi là: Lê Văn Chương.

Thuộc bộ phận: Phân xưởng sản xuất.

Lý do: Xuất nguyên liệu sản xuất bì carton.

Đề nghị cấp một số vật tư như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	
			Đề nghị	Thực hiện
1	Giấy sóng	Kg	2.831	

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Phòng kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

Ký, họ tên)

Người yêu cầu

(Ký, họ tên)

Biểu 2.5: Phiếu xuất kho

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ THANH SANG VIỆT NAM

纸箱厂 XƯỞNG CARTON

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày

tháng:

11-12- 14

Xuất tại kho : Nguyên liệu

Bộ phận xin lĩnh hàng: xưởng sản xuất

Số phiếu

PXX06484

STT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	SL xin lĩnh	SL thực lĩnh	Ghi chú
1	3 坑 E 纸 770*800(GM770*800)		kg	2.831	2.831	
	Tổng Cộng			2.831	2.831	

Người phát liệu*(Ký, họ tên)***Người nhận hàng***(Ký, họ tên)***Chủ quản kho***(Ký, họ tên)*

2.4.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc kết hợp chặt chẽ giữa việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán công ty trong việc quản lý vật tư. Mà ở đó, thủ kho có trách nhiệm quản lý về mặt số lượng, còn kế toán kiểm soát cả về mặt số lượng và giá trị. Công việc hạch toán chi tiết là công việc khá phức tạp, đòi hỏi phải phản ánh kịp thời, đầy đủ cả về mặt hiện vật và giá trị trong quá trình kiểm soát các loại nguyên vật liệu. Quá trình nhập xuất của công ty lại diễn ra thường xuyên, liên tục nên hiện tại doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

- Ở kho: Thủ kho bảo quản toàn bộ số lượng và chất lượng nguyên vật liệu, nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về mặt số lượng, chất lượng vật tư, chủng loại của từng loại nguyên vật liệu để sẵn sàng cung cấp, phát kịp thời cho các phân xưởng. Khi nhận được các chứng từ kế toán về nhập xuất kho vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ. Hàng ngày căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất phát sinh thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu 2.6) để phản ánh, ghi chép hàng ngày để theo dõi số lượng vật tư – thẻ kho mở rộng cho từng thứ nguyên vật liệu. Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sau đó được sử dụng để ghi vào thẻ kho sẽ được thủ kho bảo quản để giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết (Biểu 2.7) để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Hàng ngày, nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, đồng thời ký xác nhận vào thẻ kho và nhận các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho về phòng kế toán. Kế toán vật tư kiểm tra chứng từ và hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu giá trị trên các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Đối với phiếu nhập kho, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT(của người bán), các chứng từ khác liên qua để tính ra “Đơn giá” và “Thành tiền”. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp cho việc tính “Đơn giá” cho từng phiếu xuất chính xác vào cuối tháng, kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng giá trị xuất của mỗi loại nguyên vật liệu xuất kho. Căn cứ vào đơn giá xuất trên sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán hoàn thành nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu xuất kho.

Để có thể quản lý chi tiết nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị, phòng kế toán của công ty đã sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 2.7). Các sổ chi tiết này được mở chi tiết cho từng thứ nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và sổ chi tiết kỳ trước.

Ví dụ 2.4: *Căn cứ vào phiếu nhập số 00542, phiếu xuất 06484 và các phiếu nhập, phiếu xuất giấy sóng trong tháng 12/2014, thủ kho ghi thẻ kho mặt hàng giấy sóng.*

Biểu 2.6: Trích thẻ kho

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S12-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

THẺ KHO

Kho: NLN001- Kho Nguyên liệu

Vật t- : Giấy sớng - ĐVT: Kg

Từ ngày 01/12/2014 đến 31/12/2014

Tồn đầu kỳ : 20.000

STT	Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Sl nhập	SL xuất	SL tồn kho	Chữ ký XN của kế toán
	Ngày	Số						
	
1	11/12	PXK06484	Lê Văn Chương	Xuất kho giấy sớng		2.831	30.900	
2	18/12	PNK00542	Công ty sx và dv th ^o ng mại Đức Anh	Nhập mua giấy sớng theo HĐ 0034976	21.100		52.000	
	
20	20/12	PXK06503	Nguyễn Trọng C- ờng	Xuất kho giấy sớng		8.518	115.902	
21	20/12	PNK00553	Công ty sx và dv th- ong mại Đức Anh	Nhập mua giấy sớng theo HĐ 00350710	60.000		175.902	
	
<u>Tổng công</u>					<u>610.407</u>	<u>551.507</u>	<u>78.900</u>	

Tồn cuối kỳ : 78.900

Biểu 2.7: Trích Sổ chi tiết vật tư

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2014

Tài khoản: 152 Tên kho: kho Nguyên liệu

Tên vật liệu: Giấy sóng

Đơn vị tính: Kg

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
			Tồn đầu kỳ		7.400					20.000	148.000.000
.....
11/12	PXK 06484	11/12	Xuất kho giấy sóng sản xuất thùng Carton	621	7.400			2.831	20.949.400	30.900	228.660.000
18/12	PNK 00542	18/12	Mua giấy sóng về nhập kho	112	7.400	21.100	156.140.000			52.000	384.800.000
.....
			Cộng phát sinh			610.407	4.517.011.800	551.507	4.081.151.800		
			Tồn cuối kỳ							78.900	583.860.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Cuối tháng, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu với sổ trên thẻ kho, nếu khớp nhau (về số lượng) thì các số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu được dùng để lập "Bảng kê nhập, xuất, tồn" (Biểu 2.8).

Biểu 2.8: Trích bảng kê nhập, xuất, tồn**BẢNG KÊ NHẬP - XUẤT - TỒN**

Tài khoản: 152

Tháng 12/ 2014

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Mã số	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	Giấy sớng	kg	152001	20.000	148.000.000	610.407	4.517.011.800	551.507	4.081.151.800	78.900	583.860.000
2	Tem	chiếc	152002	11.286	1.227.761	154.157	5.746.808	151.137	3.196.345	14.306	3.778.224
3	Bìa	kg	152003	3.450	16.750.000	75.000	367.500.000	73.143	358.402.320	5.307	25.847.680
4	Keo	thùng	152004	37	1.787.500	222	10.500.000	162	7.787.925	97	4.499.575

	Tổng cộng			97.628	1.119.471.670	998.559	9.140.312.158	890.381	8.927.986.757	205.806	1.331.797.071

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ bảng kê nhập, xuất, tồn cuối năm kế toán tổng hợp số liệu vào bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 2.9)

Biểu số 2.9: Trích bảng tổng hợp chi tiết

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam

Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện
An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S11-DN

(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, HÀNG HOÁ
Tài khoản: 152

Năm 2014

STT	Tên vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Giấy sớng	4.381.806.627	35.392.255.373	39.190.202.000	583.860.000
2	Tem	137.009.224	11.763.000.000	11.896.231.000	3.778.224
3	Bìa	1.389.815.853	6.956.172.019	8.320.143.192	25.847.680
4	Keo	79.624.175	448.846.400	523.971.000	4.499.575
5	Tinh bột sắn	187.500.000	522.750.500	686.125.015	24.125.485
6	Xút	5.325.789	157.352.636	131.948.425	30.730.000
7	Phèn	57.183.500	342.448.620	343.999.565	55.632.555
8	Mực	476.831.890	2.144.182.913	2.513.074.333	107.940.470
9	Duplex PG	289.000.000	2.163.123.900	2.320.230.000	131.893.900
10	Giấy ĐA	136.000.000	1.752.290.750	1.691.258.400	197.032.350
11	Giấy mặt PD	120.225.216	4.839.450.200	4.888.003.291	71.672.125
...
...
	Tổng cộng	8.022.620.410	578.338.626.300	585.029.449.639	1.331.797.071

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.4.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty

Song song với công việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu được trong công tác kế toán nguyên vật liệu. Hiện nay, công ty đang áp dụng kế toán tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tức là việc ghi chép tính toán tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ hợp lý được diễn ra thường xuyên liên tục. Và trong quá trình hạch toán kế toán công ty cũng sử dụng các tài khoản có liên quan đến tình hình tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp này.

2.4.4.1. Tài khoản sử dụng

- Tại công ty, kế toán nguyên vật liệu sử dụng một số TK sau:
 - + TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.
 - + TK 1521: Nguyên vật liệu chính
- Các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:
 - + TK 111: Tiền mặt.
 - + TK 112: Tiền gửi ngân hàng.
 - + TK 331: Phải trả cho người bán.
- Các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:
 - + TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
 - + TK 627: Chi phí sản xuất chung.
 - + TK 641: Chi phí bán hàng.
 - + TK 642: Chi phí quản lý Doanh nghiệp.

2.4.4.2. Sổ sách sử dụng

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Chính vì vậy các loại sổ sách kế toán của công ty sử dụng đều phải tuân theo những quy định chung của hình thức này, bao gồm:

- Sổ cái TK 152- Nguyên liệu, vật liệu
- Các sổ liên quan khác như sổ chi tiết phải trả nhà cung cấp vật tư, sổ chi tiết TK 621, các bảng tổng hợp chứng từ gốc...

2.4.4.3. Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty

Do nguyên vật liệu của công ty được nhập hoàn toàn từ mua ngoài nên đã nảy sinh quan hệ thanh toán giữa công ty và các nhà cung cấp vật tư. Đối với những vật tư mua lẻ có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền

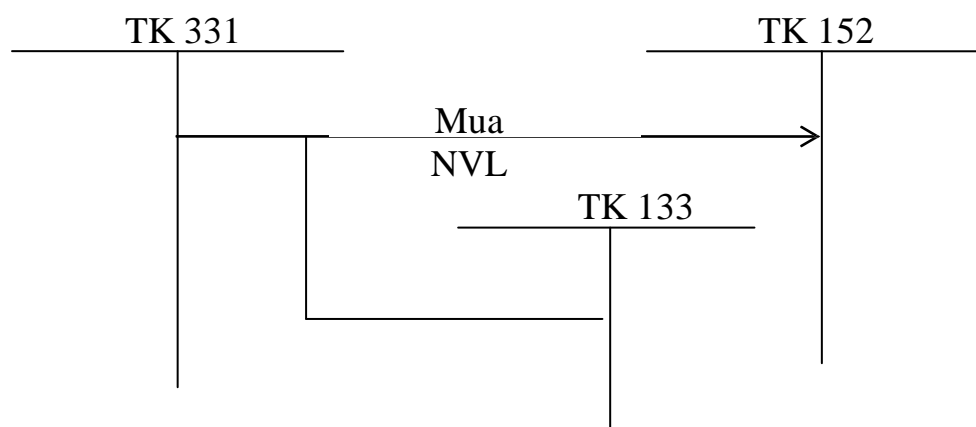
mặt. Còn đối với những vật tư có giá trị lớn, công ty thường sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Hình thức này giúp cho việc thanh toán được dễ dàng và nhanh chóng. Bên cạnh đó, công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty.

Cụ thể công việc hạch toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu được thực hiện như sau:

2.4.4.3.1. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài chưa thanh toán

Hình thức mua nguyên vật liệu chưa thanh toán của công ty thường được áp dụng khi mua nguyên vật liệu của các nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty. Việc theo dõi các khoản thanh toán với người bán được kế toán thực hiện trên cả phần mềm kế toán và trên sổ sách.

Mô hình nghiệp vụ:



Ví dụ 2.5: Ngày 10/12/2014 công ty có nhập kho 1 lô hàng sơn và mực in từ công ty TNHH sơn và mực in Giai Thăng Việt Nam theo hoá đơn GTGT 0043514. Tổng giá thanh toán 34.032.900 đ. Trong đó đơn giá chưa có VAT 10% là 30.939.000 đ, công ty chưa thanh toán.

- HĐGTGT 0043514 (Biểu 2.10)
- Nhật ký chung (Biểu 2.16)
- Sổ Cái TK 152 (Biểu 2.17)
- Sổ Cái TK 331 (Biểu 2.17)

Biểu 2.10: Hóa đơn GTGT**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG****LIÊN 2: Giao người mua**

Ngày 10/12/2014

Mẫu số:01GTKT3/001**Ký hiệu:01AA/13P****Số:0043514**Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH sơn và mực in Gai Thăng Việt Nam**

Mã số thuế : 0262359354

Địa chỉ : Số 151 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng, Việt Nam

Số điện thoại :

Fax :

Họ và tên người mua hàng :

Tên đơn vị: **Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam**

Mã số thuế :

0	2	0	1	1	3	6	9	5	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: *Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng*

Hình thức thanh toán :

Số tài khoản :

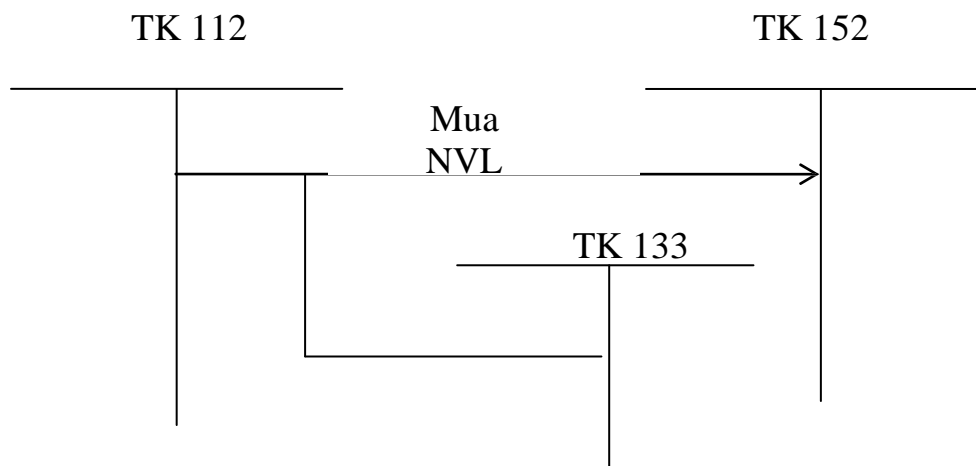
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Tiền hàng tháng 12/2014				30.939.000
Cộng tiền hàng					30.939.000
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					3.093.900
Tổng cộng tiền thanh toán					34.032.900
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tư triệu không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)**Người bán hàng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.4.4.3.2. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng

Thông thường việc thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng áp dụng với những lô hàng có giá trị lớn.

Mô hình nghiệp vụ:



Ví dụ 2.6: Ngày 10/12/2014 công ty có nhập kho 1 lô hàng giấy sớng từ công ty Đức Anh theo hoá đơn GTGT 0034954. Tổng giá thanh toán 174.852.700 đ. Trong đó đơn giá chưa có VAT 10% là 158.957.000 đ, công ty thanh toán ngay bằng TGNH.

- HDGTGT 0034954 (Biểu 2.11)
- Lệnh chi TGNH (Biểu 2.12)
- Nhật ký chung (Biểu 2.16)
- Sổ Cái TK 152 (Biểu 2.17)
- Sổ Cái TK 112 (Biểu 2.17)

Biểu 2.11: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:01GTKT3/001						
LIÊN 2: Giao người mua			Ký hiệu:01AA/13P						
Ngày 10/12/2014			Số:0034954						
<i>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đức Anh</i>									
Mã số thuế : 0201559207									
Địa chỉ : <i>Thôn Cầu Hạ, Xã Quang Trung, Huyện An Lão, Hải Phòng, Việt Nam</i>									
Số điện thoại : 0313.572.819			Fax : 0313.572.819						
Họ và tên người mua hàng :									
Tên đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam									
Mã số thuế :									
0	2	0	1	1	3	6	9	5	6
Địa chỉ: <i>Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng</i>									
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản Số tài khoản :									
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền				
A	B	C	1	2	3=1*2				
1	Tiền hàng tháng 12/2014				158.957.000				
Cộng tiền hàng					158.957.000				
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					15.895.700				
Tổng cộng tiền thanh toán					174.852.700				
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bảy tư triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng chẵn.									
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)					

Biểu 2.12 : Lệnh Chi TGNH**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG HẢI PHÒNG**

Liên 1/copy 1

Số /No: 08R18

LỆNH CHI

PAYMENT

ORDER Ngày

/Date: 10/12/2010

Đơn vị trả tiền /Payer: Công ty TNHH Đức Anh**Tk nợ / Debit AC :** 102010000207186**Ngân hàng / With bank :** Công thương Hải Phòng .**Số tiền bằng chữ :** Một trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng chẵn.**Tên đơn vị trả / Payee :** Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam**Tk có / order /AC :** 3408659**Tại ngân hàng /With bank :** Công thương Hải Phòng**Nội dung :** Trả tiền mua hàng.**Số tiền bằng số**
174.852.700

Ngày hạch toán / Date counting date: 10/12/2010

Đơn vị trả tiền / Payer**Giao dịch viên**

Teller

Kiểm soát viên

Supervisor

Kế toán

Accountant

Chủ tài khoản

A/C holder

(Mẫu số 07/NHCT 10)

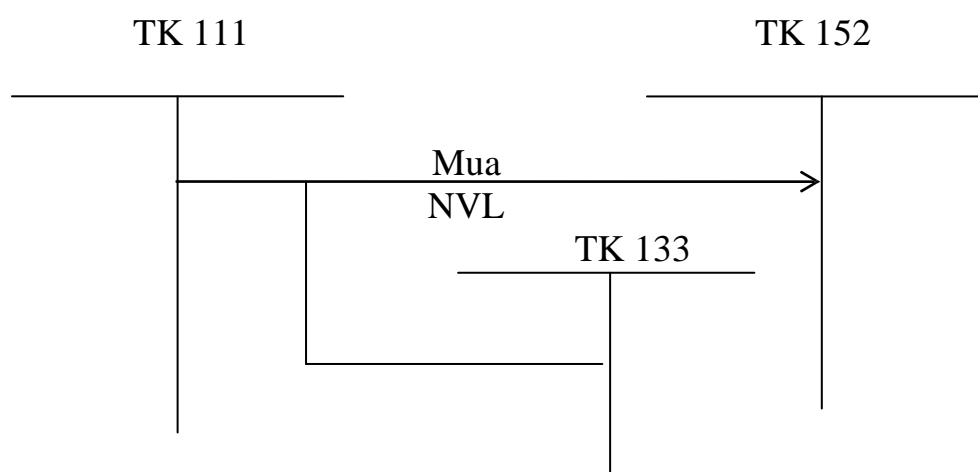
Biểu 2.13 : Sao kê Tài Khoản

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN VIETTINBANK SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT Statement of Account Trang/Page 2								
Từ ngày/ from date: 10/12/2014 đến ngày/ To date: 10/12/2014 Số tài khoản/ Account No: 711A87654321 Tiền tệ/ Currency: VNĐ Tên tài khoản/ Account name: Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam Ngày PS trước/ Period: SDDK/ Beginning Balance: 153.684.700 đồng SDCK/ Ending Balance:								
Ngày phát sinh Transaction 10/12/2014	Số chứng từ Document No 13100105	Nội dung giao dịch Description Trả tiền cước biển						
Doanh số phát sinh (Transted Amount) <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 60%;"></th> <th style="width: 20%; text-align: center; border-bottom: 1px solid black;">Nợ (Debit)</th> <th style="width: 20%; text-align: center; border-bottom: 1px solid black;">Có (Credit)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td style="text-align: center;">174.852.700</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>				Nợ (Debit)	Có (Credit)		174.852.700	
	Nợ (Debit)	Có (Credit)						
	174.852.700							
Giao dịch viên Teller Phí NH: 11.000 VNĐ	Kiểm soát viên Supervisor T-toán phí: 11.000 VNĐ							

2.4.4.3.3. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài nhưng thanh toán bằng tiền mặt

Khi phát sinh nghiệp vụ mua nguyên vật liệu thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, ghi sổ quỹ hàng ngày, lập báo cáo quỹ cho phòng kế toán kèm theo tất cả các chứng từ chi làm cơ sở ghi sổ kế toán.

Mô hình nghiệp vụ:



Ví dụ 2.7: Ngày 30/12/2014 công ty có nhập kho tem giấy trắng từ công ty Hoàng Phong theo hoá đơn GTGT 0057412. Tổng giá thanh toán 399.465 đ. Trong đó đơn giá chưa có VAT 10% là 363.150 đ, công ty thanh toán ngay bằng tiền mặt.

- HĐGTGT 0057412 (Biểu 2.14)
- Phiếu chi tiền mặt (Biểu 2.15)
- Nhật ký chung (Biểu 2.16)
- Sổ Cái TK 152 (Biểu 2.17)
- Sổ Cái TK 111 (Biểu 2.17)

Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:01GTKT3/001												
LIÊN 2: Giao người mua			Ký hiệu:01AA/13P												
Ngày 30/12/2014			Số:0057412												
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoàng Phong															
Mã số thuế : 0232156513															
Địa chỉ : <i>Số 232 Nguyễn Văn Linh, Hải Phòng, Việt Nam</i>															
Số điện thoại :			Fax :												
Họ và tên người mua hàng :															
Tên đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam															
Mã số thuế :		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> </tr> </table>				0	2	0	1	1	3	6	9	5	6
0	2	0	1	1	3	6	9	5	6						
Địa chỉ: <i>Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng</i>															
Hình thức thanh toán : Tiền mặt			Số tài khoản :												
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3=1*2										
1	Tiền hàng tháng 12/2014				363.150										
Cộng tiền hàng					36.315										
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					399.465										
Tổng cộng tiền thanh toán					399.465										
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi năm đồng chẵn.															
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)											

Biểu 2.15: Phiếu chi tiền mặt**Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam****Mẫu số:02-TT****Địa chỉ: Thôn Văn Trang, Xã Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng****(Ban hành theo QĐ số****15/2006/QĐBTC)**

Quyển số:07

Số PC 321

Nợ TK:152,133

Có TK:111

PHIẾU CHI*Ngày 30 tháng 12 năm 2014*

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Ngọc

Địa chỉ: Công ty TNHH Hoàng Phong

Lý do chi: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 399.465 VNĐ

Viết bằng chữ: Ba trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi năm đồng

Kèm theo.....2..... Chứng từ gốc.

*Ngày 30 tháng 12 năm 2014***Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Thủ quỹ Người nhận tiền****Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):** Ba trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi năm đồng chẵn.

Ví dụ 2.8: Căn cứ vào HĐ GTGT 0043514, HĐ GTGT 0034954, HĐ GTGT0057412, phiếu chi 321, lệnh chi 08R18 và các phiếu nhập, phiếu xuất, chứng từ trong tháng 12/2014 hàng ngày kế toán cập nhập vào sổ nhật ký chung

Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn,
Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích trang 8)

Năm 2014

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số TT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng					Nợ	Có
....
10/12	HĐ GTGT 0043514	10/12	Mua sơn, mực in về nhập kho	X	23	152	30.939.000	
				X	24	133	3.093.900	
				X	25	331		34.032.900
10/12	HĐ GTGT 0034954	10/12	Mua giấy sóng về nhập kho	X	26	152	158.957.000	
				X	27	133	15.895.700	
				X	28	112		174.852.700
....
30/12	HĐ GTGT 0057412	30/12	Mua tem giấy trắng về nhập kho	X	47	152	363.150	
				X	48	133	36.315	
				X	49	111		399.465
....
			<u>SDCK</u>				<u>540.611.126.915</u>	<u>540.611.126.915</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.17: Sổ Cái các tài khoản

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn,
Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2014
Tên tài khoản: NVL
Số hiệu: 152

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký Chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<u>SĐĐK(T12/2014)</u>				<u>1.119.471.670</u>	
...
10/12	PNK 00529	10/12	Mua sơn, mực in về nhập kho	5	13	331	30.939.000	
10/12	PNK 00530	10/12	Mua giấy sớng về nhập kho	5	14	112	158.957.000	
...
30/12	PNK 00615	30/12	Mua tem giấy trắng về nhập kho	12	20	111	363.150	
...
			Cộng phát sinh				9.140.312.158	8.927.986.757
			<u>SDCK(T12/2014)</u>				<u>1.331.797.071</u>	

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn,
Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2014
Tên tài khoản: Tiền mặt
Số hiệu: 111

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<u>SDDK (T12/2014)</u>				<u>5.031.235</u>	
09/12	PT 122	09/12	Rút TGNH nhập quỹ	5	5	112	700.000.000	
10/12	PC 321	10/12	Mua tem giấy trắng về nhập kho	5	6	152		363.150
				5	7	133		36.315
...
20/12	PC 408	20/12	Thanh toán nợ phải trả công ty Huy Hoàng	7	16	331		15.000.000
22/12	PC 409	22/12	Tạm ứng	7	17	141		2.000.000
...
28/12	PC 424	28/12	Thanh toán tiền mua BHTN 24h	9	30	338		432.000
30/12	PC 425	30/12	Thanh toán chi phí đi đường cho lái xe hàng	9	31	641		1.000.000
...
			Cộng phát sinh				750.000.000	309.125.000
			<u>SDDK (T12/2014)</u>				<u>445.906.235</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn,
Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2014
Tên tài khoản: Phải trả người bán
Số hiệu: 331

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký Chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<u>SDDK(T12/2014)</u>					<u>311.471.285</u>
...
10/12	HĐ 0043514	10/12	Mua sơn, mực in về nhập kho	5	13	152		30.939.000
				5	14	133		3.093.900
...
30/12	HĐ 0065003	30/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty Thanh Phong	13	28	112	79.380.000	
31/12	HĐ 0021695	31/12	Mua giấy mặt PĐ chưa thanh toán	13	29	152		52.650.000
				13	30	133		5.265.000
...
			Cộng phát sinh				1.140.021.163	927.794.337
			<u>SDCK(T12/2014)</u>					<u>99.244.459</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn,
Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2014
Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng
Số hiệu: 112

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký Chung		TK ĐƯ'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<u>SDDK(T12/2014)</u>				<u>2.640.219.050</u>	
...
10/12	LC 08R18	10/12	Mua giấy sóng về nhập kho	5	13	152		158.957.000
				6	14	133		15.895.700
11/12	GBC 104	11/12	Thu tiền bán hàng	7	15	131	118.220.167	
...
26/12	LC 25R18	26/12	Thanh toán tiền hàng Cho công ty Đức Anh	8	20	331		34.032.900
...
			Cộng phát sinh				2.726.686.650	5.086.083.793
			<u>SDDK(T12/2014)</u>				<u>280.821.907</u>	

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.4.4.4. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Việc xuất dùng nguyên vật liệu chủ yếu là phục vụ nhu cầu sản xuất. Tùy theo mục đích sử dụng, hạch toán tổng hợp xuất vật liệu sẽ phản ánh giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng vào bên có TK 152 và vào bên nợ của các TK có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào các phiếu xuất kế toán lập bảng phân bổ vật liệu. Số liệu trên hàng tổng cộng của bảng phân bổ nguyên vật liệu (Biểu 2.18) được đối chiếu khớp với số liệu trên dòng xuất của bảng tổng hợp chi tiết vật tư.

Biểu 2.18: Bảng phân bổ NVL

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam

Mẫu số 07-VT

Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Huyện An Lão, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Ghi có TK 152	
	Đối tượng sử dụng (Ghi nợ các TK)	TK 152
I	TK 621	6.374.419.142
	Xuất nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm	6.374.419.142
II	TK 627	2.495.964.671
	Xuất NVL phục vụ sản xuất	2.495.964.671
II	TK 641	34.561.766
	Xuất NVL phục vụ bán hàng	34.561.766
III	TK 642	23.041.178
	Xuất NVL phục vụ quản lý DN	23.041.178
	Tổng cộng	8.927.986.757

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.19: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn,
Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 (Trích trang 8)
Năm 2014

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số TT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng					Nợ	Có
....
10/12	HĐ GTGT 0043514	10/12	Mua sơn, mực in về nhập kho	X	23	152	30.939.000	
				X	24	133	3.093.900	
				X	25	331		34.032.900
10/12	HĐ GTGT 0034954	10/12	Mua giấy sớng về nhập kho	X	26	152	158.957.000	
				X	27	133	15.895.700	
				X	28	112		174.852.700
....
31/12	Bảng phân bổ NVL 12	31/12	Phân bổ NVL	X	64	621	6.374.419.142	
				X	65	627	2.495.964.671	
				X	66	641	34.561.766	
				X	67	642	23.041.178	
				X	68	152		8.927.986.757
....
			<u>SDCK</u>				<u>540.611.126.915</u>	<u>540.611.126.915</u>

Thủ quỹ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.20: Sổ cái tài khoản

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn,
Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2014
Tên tài khoản: NVL
Số hiệu: 152

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký Chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<u>SDĐK(T12/2014)</u>				<u>1.119.471.670</u>	
...
10/12	PNK 00529	10/12	Mua sơn, mực in về nhập kho	5	13	331	30.939.000	
10/12	PNK 00530	10/12	Mua giấy sóng về nhập kho	5	14	112	158.957.000	
...
30/12	PNK 00615	30/12	Mua tem giấy trắng về nhập kho	12	20	111	363.150	
31/12	Bảng phân bổ NVL 12	31/12	Phân bổ NVL	12	21	621		6.374.419.142
				12	22	627		2.495.964.671
				12	23	641		34.561.766
				12	24	642		23.041.178
			Cộng phát sinh				9.140.312.158	8.927.986.757
			<u>SDCK(T12/2014)</u>				<u>1.331.797.071</u>	

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ THANH SANG VIỆT NAM

3.1. Nhận xét, đánh giá chung về công ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam

3.1.1. Những ưu điểm ở công ty

Công ty đã khéo léo kết hợp các điểm mạnh, lợi thế để có thể tăng cường khả năng cạnh tranh của mình trên thị trường như: Lợi thế về mặt hàng, về chất lượng sản phẩm, tính năng sử dụng, lợi thế về tài sản vô hình.

Công ty luôn quan tâm tới việc nghiên cứu và đưa ra thị trường các loại sản phẩm mới nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Các sản phẩm của công ty nói chung có mẫu mã đẹp, phong phú về chủng loại và giá cả.

Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hoá chủng loại sản phẩm tạo ra lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm.

Công ty tìm mọi biện pháp nhằm hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, tạo cơ sở tăng lợi nhuận và có thể hạ giá bán. Tuy không có tính chất quyết định nhưng điều này cũng góp phần không nhỏ vào việc thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Áp lực cạnh tranh đã thúc đẩy công ty mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư trang thiết bị công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hoá sản phẩm.

Công ty đã xây dựng được một thống các đại lý trên cả nước, số lượng các đại lý ngày càng tăng và doanh thu từ các đại lý chiếm phần lớn trong tổng doanh thu của Công ty.

Công ty đã áp dụng nhiều phương thức thanh toán và có chế độ khuyến khích linh hoạt cho các đại lý trả tiền ngay để quay nhanh vòng vốn, trên cơ sở đó nâng cao hiệu suất sử dụng vốn, giảm lãi ngân hàng và có vốn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, tạo ưu thế để từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh.

3.1.2. Những tồn tại ở công ty

- Về chủng loại sản phẩm: Công ty chưa xác định rõ một chiến lược sản phẩm ổn định mang tính dài hạn, không nắm bắt chu kỳ sống của từng loại sản phẩm, có những sản phẩm mới sản xuất một thời gian ngắn đã dừng lại như 250086, 310582...

- Trình độ năng lực của một số cán bộ chưa đáp ứng được nhiệm vụ quản lý của công ty giao phó, đã để xảy ra sai sót kỹ thuật làm hỏng một lượng thành phẩm lớn làm cho tỷ lệ phế phẩm tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất lớn.

- Về mạng lưới phân phối và các hoạt động Marketing chưa được coi trọng

3.1.3. Kiến nghị, đề xuất với công ty

Nền kinh tế thế giới đứng trước sự mở cửa và hội nhập. Trong số đó có các Công ty muốn tham gia vào thị trường sản xuất đồ chơi và carton ngày càng nhiều. Điều đó cũng có nghĩa là việc cạnh tranh trên thị trường ngày càng trở nên gay gắt hơn.

Đứng trước cơ hội và thách thức đó Công ty TNHH Thanh Sang Việt Nam cần phải có những giải pháp hữu hiệu mới có khả năng cạnh tranh và phát triển. Căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang VN và kết hợp với những kiến thức về kinh tế thị trường, bằng các phương pháp phân tích và tổng hợp tôi xin đưa ra một số đánh giá về thị trường sản xuất đồ chơi trẻ em và sản xuất carton đến năm 2016 và một số ý kiến nhỏ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty TNHH Thanh Sang Việt Nam.

** Về công tác giá thành sản phẩm:*

- Tăng cường quản lý và giám sát tiết kiệm nguyên vật liệu
- Mua vật tư thiết bị phải có giá nhập thấp

** Về sản phẩm và chất lượng sản phẩm*

- Đa dạng hoá sản phẩm phù hợp với yêu cầu của khách hàng

Như vậy, khó khăn khách quan và chủ quan cho việc thực hiện là rất lớn và rất nhiều. Song với những biện pháp chính đã nêu ở trên cộng với quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên, việc hoàn thành kế hoạch năm 2015 chắc chắn sẽ hứa hẹn nhiều thắng lợi.

3.2. Nhận xét, đánh giá về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam

3.2.1. Ưu điểm về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Trong những năm qua, nhờ sự đổi mới trong phương pháp quản lý và hạch toán kinh doanh nhằm thích ứng với cơ chế thị trường. Công Ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam đã có những hướng đi đúng đắn, đã thu được những thành tựu đáng kể.

Cùng với sự phát triển của Công Ty, công tác hạch toán nói chung và hạch toán nguyên vật liệu nói riêng cũng không ngừng được củng cố, hoàn

thiện đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý, hạch toán trong điều kiện sản xuất kinh doanh hiện nay.

Công Ty đã vận dụng và có cải tiến trong phương pháp hạch toán cũng như mở các sổ sách kế toán vật liệu có khoa học, đảm bảo đúng chế độ Nhà Nước qui định. Tình hình nhập-xuất và tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở Công Ty theo dõi tương đối rõ ràng, là phương tiện để cung cấp số liệu cho việc tính giá thành sản phẩm được nhanh chóng và chính xác.

3.2.2. Những tồn tại về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Bên cạnh những những ưu điểm cơ bản, trong quá trình quản lý và sử dụng kế toán nguyên vật liệu còn một số hạn chế sau:

- Đó là sự thay đổi liên tục của hệ thống Luật Kế Toán - Tài Chính đã làm cho công tác kế toán bị chậm lại, do kế toán chưa nắm bắt kịp thời những thay đổi đó
- Công tác kế toán được làm theo thủ công nên cũng có những trường hợp sai sót trong quá trình thực hiện
- Về công tác quản lý nguyên vật liệu.

+ Khâu thu mua và vận chuyển: Trong quá trình thu mua và vận chuyển của công ty còn để rơi vãi rất nhiều. Điều này, dẫn tới tình trạng lãng phí một lượng không nhỏ nguyên vật liệu, làm cho chi phí nguyên vật liệu tính vào giá thành tăng cao do hao hụt nguyên vật liệu kế toán vật tư hạch toán vào tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung. Tuy thủ kho có các biện pháp quét dọn, thu hồi, nhưng do đặc điểm dễ rơi vãi nên công việc thu hồi không thể đảm bảo không có sự thất thoát.

+ Khâu dự trữ, bảo quản: Công ty hiện tại đang xây dựng 03 kho đựng nguyên vật liệu dự trữ. Tuy nhiên, cũng có thời gian nguyên vật liệu mua về dự trữ cho sản xuất thì ba kho không đảm bảo chứa hết các loại nguyên vật liệu. Trong trường hợp đó, nhiều nguyên vật liệu phải để ngoài sân kho. Với đặc điểm dễ bị ảnh hưởng của thời tiết như: mưa, gió, bão...thì không được che đậy cẩn thận sẽ dẫn tới tình trạng nguyên vật liệu bị mất giá trị và giảm chất lượng.

+ Ngoài ra, việc sắp xếp nguyên vật liệu trong kho chưa thật hợp lý bởi nhiều khi một loại nguyên vật liệu lại được để ở nhiều kho, do nhiều thủ quỹ quản lý. Khi kế toán tiến hành tổ chức đối chiếu số liệu với thủ kho sẽ bị mất nhiều công sức bởi cùng một loại nguyên vật liệu phải đợi số liệu tổng hợp từ

nhieu kho gửi lên thì mới có thể tổng hợp được số liệu kế toán.

+ Công tác kiểm nghiệm vật tư: Công ty hiện đã có tổ KCS riêng nhưng việc bố trí các nhân viên KCS trong quá trình quản lý và bảo quản nguyên vật liệu chưa nhiều. Khi nguyên vật liệu về tới công ty, thường thì không có bộ phận KCS đứng giám sát kiểm tra chất lượng lô hàng ngay cùng với thủ kho, mà chỉ có nghi ngờ phát hiện những lô hàng nào không đúng phẩm cách thì mới tổ chức tiến hành cùng phòng kỹ thuật vật tư kiểm tra. Cách này chưa thực sự khoa học và phát hiện kịp thời ngay được các lô hàng kém chất lượng.

- Về công tác kế toán nguyên vật liệu:

+ Về phân loại nguyên vật liệu: Doanh nghiệp có phân chia thành 2 loại nguyên vật liệu. Đó là, nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ. Tuy nhiên, khi hạch toán thì kế toán chỉ sử dụng 1 loại tài khoản, TK1521 - nguyên vật liệu chính.

Ví dụ: như vỏ bì là nguyên vật liệu phụ nhưng khi hạch toán, kế toán vẫn sử dụng tài khoản 1521. Điều này làm cho việc phân chia chi tiết, mã hoá nguyên vật liệu là rất nhiều. Đồng thời, cũng không phản ánh đúng chức năng và công dụng gây ra khó khăn cho công tác quản lý và dễ nhầm lẫn các loại với nhau.

+ Việc hạch toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu: Đối với những nguyên vật liệu có giá trị lớn hoặc yêu cầu về chất lượng vật liệu cao hoặc một loại vật liệu nhưng có nhiều quy cách khác nhau, với đơn giá khác nhau dễ gây nhầm lẫn thì trước khi tiến hành nhập kho và viết phiếu nhập kho công ty nên tiến hành kiểm nghiệm vật tư và lập biên bản kiểm nghiệm vật tư

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Quốc tế Thanh Sang Việt Nam

3.3.1. Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.

- Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc.

- Nguyên tắc thận trọng: Để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

3.3.2. Yêu cầu hoàn thiện

Kế toán trong doanh nghiệp nói chung mà cụ thể ở đây là kế toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh nói chung nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên, công việc

kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty trong từng giai đoạn và theo những chính sách chế độ quản lý kinh tế tài chính mới của nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả công tác kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ, chuẩn mực của Nhà nước.

- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kinh tế của doanh

nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa, thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... trong việc ký kết các hợp đồng đầu thầu lớn, thực hiện các khoản vay, các dự án lớn... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán nguyên vật liệu cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một bộ phận trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, không thể thiếu một bộ phận kế toán nào. Vì vậy, bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém sẽ đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động xấu tới cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán vật liệu mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.3.3. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Quốc tế Thanh Sang Việt Nam

Mặc dù công tác kế toán NVL chỉ là một bộ phận của công tác kế toán tại công ty nhưng nó chịu sự tác động của hầu hết các yếu tố có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty: công tác quản lí, bán hàng...

Hiện nay công ty đang có nhiều thuận lợi và không ít khó khăn, bên cạnh đó công ty đã đề ra một số biện pháp nhằm khắc phục những khó khăn và phát huy thuận lợi. Tuy nhiên để có thể cạnh tranh với các công ty khác trên thị trường, công ty còn phải linh hoạt, có nhiều thay đổi để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo điều kiện ổn định về việc làm cho công nhân viên, em xin đề xuất một số ý kiến sau:

****/ Ý kiến thứ nhất: Mở thêm tài khoản.***

Kế toán nên mở thêm TK 1522 - Vật liệu phụ, để phản ánh các loại vật liệu phụ (ví dụ: bao bì đóng gói), bởi như vậy sẽ phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu trong sản xuất. Ngoài ra, việc mở thêm TK 1522, sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên

vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó kế toán công ty cũng cần mở sổ theo dõi chi tiết cho TK 1522 - Vật liệu phụ theo đúng QĐ 15/2006/QĐ-BTC (Biểu 2.21)

Biểu 2.21: Trích Sổ chi tiết vật liệu phụ

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2014

Tài khoản: 1522 – Vật liệu phụ Tên kho: kho Nguyên liệu

Tên vật liệu phụ: Xút

Đơn vị tính: Kg

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
			Tồn đầu kỳ		25.000					560	14.000.000
.....
19/12	PNK 00574	19/12	Mua xút về nhập kho	331	25.000	1.000	25.000.000			2.120	53.000.000
20/12	PXK 06501	20/12	Xuất kho xút để sản xuất	621	25.000			350	8.750.000	1770	44.250.000
.....
			Cộng phát sinh			2.749	68.730.000	2.080	52.000.000		
			Tồn cuối kỳ							1.229	30.730.000

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

****/ Ý kiến thứ hai: Thành lập ban kiểm nghiệm vật tư.***

Vật tư, hàng hoá nói chung và nguyên vật liệu nói riêng cần phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi nhập kho để xem xét loại hàng nhập kho có đúng, đủ với những điều khoản ghi trên hợp đồng mua hàng hay không, tránh tình trạng nhập kho phải những hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc là nhập không đủ số lượng so với thực mua. Do đó, tiến tới Công ty cần thành lập ban kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá (gọi tắt là KCS). Ban kiểm nghiệm cần phải có ít nhất: Một đại diện phụ trách mua hàng, thủ kho, một đại diện phụ trách kỹ thuật sản xuất. Những người trong ban kiểm nghiệm phải thành thạo về mẫu mã, phẩm chất và quy cách của hàng mua. Sau khi nhận hàng mua về, ban kiểm nghiệm cần lập “ Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá” theo mẫu :

Biểu 3.1: Biên bản kiểm nghiệm

Công ty TNHH quốc tế Thanh Sang Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Văn Tràng, T.T Trường Sơn,
Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số 03-VT
QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá

Ngày.....tháng..... năm.....

Số:.....

- Căn cứSố
Ngày.....tháng.....năm.....của.....

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Trưởng ban.

+ Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Ủy viên.

+ Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:..... Ủy

viên. Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	4

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

.....

Đại diện kĩ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

Đối với những chuyến hàng mua về có giá trị lớn, nhiều chủng loại, thì nhất thiết phải kiểm nghiệm trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nghiệm. Cách ghi chép biên bản kiểm nghiệm như sau:

- Cột D - Phương thức kiểm nghiệm: Ghi phương pháp kiểm nghiệm toàn diện hay xác suất.

- Cột 1: Ghi số lượng theo hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, hay phiếu giao hàng

- Cột 2 và cột 3: Ghi kết quả thực tế kiểm nghiệm.

- Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Ghi rõ ý kiến về số lượng, chất lượng, nguyên nhân đối với nguyên vật liệu không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất và cách xử lý.

Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 bản: 1 bản giao cho bộ phận phụ trách cung tiêu, 1 bản giao cho phòng kế toán.

Trong trường hợp nguyên vật liệu không đúng với số lượng, quy cách, phẩm chất so với chứng từ hoá đơn, thì lập thêm một liên nữa và kèm theo các chứng từ liên quan để gửi cho đơn vị bán nhằm giải quyết.

****/ Ý kiến thứ ba: Lập dự phòng giảm giá NVL***

Trong sản xuất kinh doanh, rủi ro có thể xảy ra bất cứ lúc nào, do đó cần phải có dự toán trước các khoản này để khi có rủi ro xảy ra thì còn có chi phí để bù đắp. Hiện nay kế toán vật tư tại công ty không sử dụng “TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” nên công ty có thể xem xét để có thể lập dự phòng giảm giá NVL.

Dự phòng giảm giá NVL được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc lập dự phòng giảm giá NVL phải được thực hiện theo đúng các quy định của Chuẩn mực kế toán “Nguyên vật liệu” và quy định của chế độ tài chính hiện hành. Việc lập dự phòng giảm giá NVL phải tính theo từng loại vật tư tồn kho. Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập:

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá NVL phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá NVL đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá NVL phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá NVL đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

+/- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;

- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

-Trích lập các khoản dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

-Số dư bên Có: Số dự phòng giảm giá nguyên vật liệu hiện có cuối kỳ.

+/- Hạch toán TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán là giá vốn hàng bán, nếu hoàn nhập hạch toán giảm giá vốn hàng bán.

Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có các TK 152, 153, 155, 156.

Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

+/- Cách tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Mức dự phòng Số lượng Giá trị VLi Giá thực tế VLi

Giảm giá VLi = tồn kho VLi x trên sổ kế toán - trên thị trường

Tổng số dự phòng cần lập = Tổng mức dự phòng giảm giá VLi

Ví dụ 3.1: Công ty tồn kho 1.500 kg giấy sớng, giá ghi trên sổ kế toán là 14.500 đồng, giá thực tế trên thị trường là 14.000 đồng.

Ta có:

Mức dự phòng giảm giá giấy sớng = 1500 x (14.500 – 14.000) = 750.000 đồng

Khi đó kế toán ghi

Nợ TK 632: 750.000

Có TK 159: 750.000

****/ Ý kiến thứ tư : Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán nói chung, kế toán nguyên vật liệu nói riêng.***

Như chúng ta đều biết bước vào thế kỷ 21 lĩnh vực công nghệ thông tin được phát triển rất mạnh mẽ. Lĩnh vực này đã có nhiều ứng dụng thực tế, áp dụng khá nhiều và phổ biến trong thời gian qua vào công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp sản xuất. Hiện tại nhiều doanh nghiệp đã áp dụng những công nghệ phần mềm kế toán vào công tác kế toán của doanh nghiệp mình và bước đầu mang lại những khởi sắc đáng khen ngợi. Chương trình kế toán trên máy giúp cho kế toán bớt đi được rất nhiều thời gian trong công tác tổng hợp và tính toán số liệu, với độ chính xác cao hơn. Hơn nữa nó còn giúp nhà quản lý cập nhật được các thông tin kế toán một cách nhanh nhất, chính xác nhất, đáp ứng kịp thời nhu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, theo em Công ty nên nhanh chóng áp dụng chương trình kế toán máy cho công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nếu làm được điều này không những công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán nguyên vật liệu của Công ty sẽ có hiệu quả cao hơn rất nhiều. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy tiện ích cho Công ty có thể lựa chọn như:

- Phần mềm kế toán Esoft của công ty giải pháp phần mềm SOFT
- Phần mềm kế toán Acman của công ty cổ phần ACMAN
- Phần mềm kế toán Bravo của công ty cổ phần EFFECT
- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần FAST

****/ Ý kiến thứ năm: Về việc quản lý chứng từ hạch toán chi tiết, tổng hợp nguyên vật liệu.***

Tại công kế toán xuống kho lấy phiếu nhập và xuất kho, kế toán đối chiếu với số liệu trên thẻ kho nếu thấy khớp thì xác nhận vào thẻ kho nhưng chưa lập phiếu giao nhận chứng từ giữa kế toán và thủ kho.

Vậy theo em, kế toán Công ty cần lập “phiếu giao nhận chứng từ nhập (xuất) kho cho từng loại vật tư. Về khi nhận được chứng từ kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ và phiếu này là cơ sở để vào các sổ sách kế toán chi tiết, tổng hợp.

Mẫu của phiếu giao nhận chứng từ như sau :

Biểu 3.2 Phiếu giao nhận chứng từ
PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP, XUẤT NVL, CCDC

(Xuất kho NVL, CCDC)

Ngày tháng năm 20....

Nhóm VL, CCDC	Nhập			Xuất			Ký nhận
	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Thành tiền	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Thành tiền	
I							
II							
Tổng cộng							

Tóm lại, trên đây là một số ý kiến đóng góp của bản thân sau một thời gian thực tập tại doanh nghiệp với mong muốn được đóng góp một phần nào vào việc nâng cao và hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty. Bởi chỉ có làm tốt công tác hạch toán nguyên vật liệu thì Công ty mới có được những tiền đề thúc đẩy sản xuất phát triển, mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty.

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam, em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng to lớn của công tác kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo Công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo sản xuất cũng như việc lập kế hoạch thu mua, sử dụng và chi tiêu nguyên vật liệu thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc hạ giá thành công trình, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Như vậy, có thể thấy tổ chức kế toán nguyên vật liệu đóng vai trò rất quan trọng là nhu cầu tất yếu của công tác quản lý. Công tác kế toán nguyên vật liệu cần phải được quan tâm đúng mức, luôn được hoàn thiện và đổi mới.

Đề tài là kết quả của sự vận dụng lý luận vào thực tế, bám sát thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị. Ba vấn đề lớn, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong phạm vi nghiên cứu đã được đề tài làm sáng tỏ đó là:

- Lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp sản xuất
- Thực trạng kế toán nguyên vật liệu trong một doanh nghiệp sản xuất
- Những giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở thực tế tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại một doanh nghiệp sản xuất.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ chi dẫn tận tình của cán bộ Phòng kế toán công ty TNHH Quốc Tế Thanh Sang Việt Nam và đặc biệt là cô giáo_Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài luận này.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2014

Người thực hiện

Lê Thị Hoài Hương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính
2. Giáo trình kế toán tài chính (Nhà xuất bản thống kê năm 2009)
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển I&II (Nhà xuất bản lao động năm 2011)
4. Võ Văn Nhị (2006), Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp, ghi sổ kế toán
5. Thông tin tổng hợp từ một số trang Web: www.lip.hpu.vn, www.tailieu.vn, www.tapchiketoan.com,